

Số: 04 /QĐ-LĐBĐVN

Hà Nội, ngày 04 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế Bóng đá chuyên nghiệp (sửa đổi, bổ sung năm 2023)

BAN CHẤP HÀNH LIÊN ĐOÀN BÓNG ĐÁ VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 178-CT ngày 03 tháng 7 năm 1989 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng cho phép thành lập Liên đoàn Bóng đá Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 660/QĐ-BNV ngày 26 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Liên đoàn Bóng đá Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1761 /QĐ-TCTDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thể dục thể thao phê duyệt sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy chế Bóng đá chuyên nghiệp năm 2021;

Theo đề nghị của Tổng Thư ký Liên đoàn Bóng đá Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy chế Bóng đá chuyên nghiệp (sửa đổi, bổ sung năm 2023) gồm 8 chương và 75 Điều.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 62/QĐ-LĐBĐVN ngày 26/01/2022 của Ban Chấp hành Liên đoàn Bóng đá Việt Nam ban hành Quy chế Bóng đá chuyên nghiệp (sửa đổi, bổ sung năm 2021).

Điều 3. Tổng Thư ký, Trưởng các bộ phận trực thuộc, Đơn vị tổ chức giải, các câu lạc bộ, đội bóng tham gia hệ thống giải bóng đá chuyên nghiệp và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. BAN CHẤP HÀNH
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Chấp hành (đề b/c);
- Lưu: VT, PLTCCT.

(đã ký)

Trần Quốc Tuấn

QUY CHẾ BÓNG ĐÁ CHUYÊN NGHIỆP (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NĂM 2023)

*(Kèm theo Quyết định số: 04/QĐ-LDBĐVN ngày 04 tháng 01 năm 2023
của Ban Chấp hành Liên đoàn Bóng đá Việt Nam)*

Quy chế Bóng đá chuyên nghiệp do Tổng cục Thể dục Thể thao phê duyệt, Chủ tịch Liên đoàn Bóng đá Việt Nam ban hành nhằm mục đích tiếp tục nâng cao trình độ quản lý, điều hành các hoạt động Bóng đá của Liên đoàn Bóng đá Việt Nam và các tổ chức bóng đá có liên quan; bảo đảm cho mọi chủ thể khi tham gia bóng đá chuyên nghiệp đều làm việc và ứng xử với tinh thần xây dựng; tuân thủ quy chế, các quy định có liên quan và chịu trách nhiệm về những hành vi do chủ thể thực hiện; đề cao những giá trị tinh thần đáng trân trọng của Bóng đá, những cống hiến và đóng góp cho sự tiến bộ của Bóng đá nước nhà; đồng thời sàng lọc và loại bỏ những yếu kém, cản trở.

Xuất phát từ lợi ích cao nhất là nâng cao trình độ chung của nền Bóng đá Việt Nam, tất cả mọi chủ thể tham gia hoạt động Bóng đá chuyên nghiệp có trách nhiệm nắm vững và thực hiện đúng Quy chế Bóng đá chuyên nghiệp, đồng thời tích cực đóng góp ý kiến để bản Quy chế ngày càng được hoàn thiện, phù hợp với thực tiễn phát triển của môn Bóng đá trong hoàn cảnh chung của đất nước. Trong công tác điều hành hoạt động Bóng đá chuyên nghiệp, những chủ thể có trách nhiệm và quyền hạn cần ý thức hoạt động vì sự phát triển của bóng đá Việt Nam, không được coi đó là đặc quyền cá nhân.

Việc áp dụng cơ chế quản lý, điều hành Bóng đá chuyên nghiệp trong điều kiện hiện nay ở nước ta là giải pháp hữu hiệu để thực hiện xã hội hoá và nâng cao trình độ Bóng đá thành tích cao. Những điều nêu trong bản Quy chế này được coi là sự cam kết của tất cả những chủ thể hoạt động trong lĩnh vực Bóng đá chuyên nghiệp ở nước ta và bắt buộc tất cả các chủ thể phải chấp hành.

GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

Câu lạc bộ	Một câu lạc bộ chuyên nghiệp tham gia vào trận đấu hoặc giải đấu dưới sự bảo trợ của Liên đoàn Bóng đá Việt Nam.
Cầu thủ nước ngoài gốc Việt Nam	Là cầu thủ bóng đá nam và nữ có cha đẻ, mẹ đẻ, ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại là người có quốc tịch Việt Nam hoặc đã từng có quốc tịch Việt Nam.
Đại diện cầu thủ	Là cá nhân được FIFA, Liên đoàn bóng đá quốc gia (LĐBĐQG) cấp đăng ký Đại diện cầu thủ, có thu phí để đại diện cho câu lạc bộ, cầu thủ để đàm phán ký kết hợp đồng lao động hoặc đàm phán lại hợp đồng lao động; hoặc đại diện cho câu lạc bộ để ký kết hợp đồng chuyên nhượng cầu thủ. Việc sử dụng, cung cấp dịch vụ Đại diện cầu thủ phải tuân thủ theo quy định của FIFA, LĐBĐVN.
Giải đấu	Là một giải bóng đá chuyên nghiệp bao gồm nhưng không giới hạn trong các nội dung sau: Tất cả các trận đấu có trong lịch thi đấu, tất cả các hoạt động trên sân thi đấu (ngoài trận đấu), lễ khai mạc, phát biểu và lễ bế mạc, họp báo hoặc các sự kiện chính thức khác có liên quan.
Thương quyền	Quyền quảng cáo, quyền nhượng quyền, quyền dịch vụ hiệu khách, quyền hình ảnh, quyền truyền thông, quyền hàng hóa kinh doanh, quyền tài trợ, quyền du lịch và lễ hành.
Trận đấu	Một trận thi đấu bóng đá trọn vẹn (gồm trận đấu lại và/hoặc bị hoãn, hiệp phụ và đá luân lưu) diễn ra trong khuôn khổ giải đấu theo lịch thi đấu. Để tránh nhầm lẫn, một trận đấu chính thức bắt đầu khi sân vận động chính thức mở cửa cho khán giả và chính thức kết thúc khi sân vận động chính thức đóng cửa đối với khán giả.
Quan chức Trận đấu	Bất kỳ cá nhân nào được bổ nhiệm điều hành trận đấu trong khuôn khổ giải đấu với vai trò: Trọng tài, trợ lý trọng tài, trọng tài thứ tư hoặc trọng tài thứ năm, (các) giám sát trọng tài, giám sát trận đấu được bổ nhiệm.
Lịch thi đấu	Lịch chính thức sắp xếp các thông tin bao gồm nhưng không giới hạn trong các thông tin sau: Ngày và thời gian diễn ra các trận đấu, sân vận động sẽ diễn ra các

	trận đấu, tên các câu lạc bộ tham gia.
Bất khả kháng	Bất kỳ sự kiện nào ảnh hưởng đến việc thực hiện hoặc bất kỳ điều khoản nào trong Quy chế này, phát sinh từ hoặc do các hành động, sự kiện, thiếu sót hoặc tai nạn nằm ngoài tầm kiểm soát hợp lý của một bên, bao gồm nhưng không giới hạn trong các nội dung sau: Dịch bệnh, thời tiết khắc nghiệt bất thường, lụt lội, sét, bão, cháy, nổ, động đất, hư hỏng kết cấu hoặc thảm họa thiên nhiên, mất hoặc thiếu điện, chiến tranh, hành động khủng bố, hoạt động quân sự, nổi loạn, tình trạng hỗn loạn nơi công cộng, đình công, đóng cửa hoặc các hoạt động công nghiệp khác, hoặc bạo động dân sự.
Sân thi đấu	Khu vực mô tả trong Luật 1 Luật thi đấu Bóng đá do Hội đồng Luật thi đấu Bóng đá quốc tế (IFAB) ban hành và do Liên đoàn Bóng đá quốc tế (FIFA) quản lý.
Sân vận động	<p>Bất kỳ sân vận động nào diễn ra trận đấu. Để tránh nhầm lẫn, điều này bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Toàn bộ khuôn viên (trong phạm vi cần có thể xác thực hoặc vé để ra vào) của cơ sở vật chất sân vận động bên trong hàng rào bao quanh vòng ngoài sân vận động (vào các ngày diễn ra trận đấu và bất kỳ ngày nào mà có bất kỳ buổi tập luyện nào của bất kỳ đội bóng chính thức nào trong sân vận động) và không gian phía trên khuôn viên sân vận động đó; - Khu đỗ xe; - Khu VIP và khu dịch vụ chăm sóc khách hàng (gồm khu dịch vụ chăm sóc khách hàng bất kỳ); - Khu khán đài dành cho đội ngũ truyền thông; - Các khu nhượng quyền; - Các khu trưng bày thương mại; - Các tòa nhà; - Sân thi đấu; - Điểm truyền tin/hình bất kỳ hoặc trung tâm báo chí truyền thông bất kỳ tại sân vận động; - Khán đài bất kỳ; và, - Khu vực bất kỳ bên dưới khán đài.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về hoạt động tổ chức, điều hành các giải bóng đá chuyên nghiệp; quyền sở hữu giải đấu; câu lạc bộ bóng đá chuyên nghiệp, cầu thủ, huấn luyện viên, trọng tài; khen thưởng, xử lý vi phạm, giải quyết tranh chấp, khiếu nại trong hoạt động bóng đá chuyên nghiệp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân tự nguyện tham gia hoạt động bóng đá chuyên nghiệp tại Việt Nam.

Điều 3. Cơ quan tổ chức, điều hành hoạt động bóng đá chuyên nghiệp

1. Liên đoàn Bóng đá Việt Nam:

a) Liên đoàn Bóng đá Việt Nam (sau đây viết là LĐBĐVN) là cơ quan quản lý, tổ chức, điều hành các hoạt động liên quan đến việc xây dựng và phát triển bóng đá chuyên nghiệp ở Việt Nam theo quy định của pháp luật, Điều lệ của LĐBĐVN và Quy chế này.

b) Quyền hạn và nhiệm vụ của LĐBĐVN:

- Trực tiếp tổ chức, giao quyền hoặc rút quyền tổ chức đối với một thành viên của LĐBĐVN hoặc đơn vị, tổ chức khác đăng cai hoặc tổ chức giải bóng đá thuộc quyền quản lý, tổ chức và điều hành của LĐBĐVN;

- Xây dựng, ban hành văn bản để tổ chức, điều hành hoạt động bóng đá chuyên nghiệp. Kiểm tra, giám sát việc tuân theo quy định pháp luật, các quy định có liên quan của LĐBĐVN và Quy chế này;

- Thực hiện hoạt động quản lý đăng ký huấn luyện viên, cầu thủ, quan chức câu lạc bộ, giám sát, trọng tài và các đối tượng khác tham dự giải; quản lý các hoạt động chuyên nhượng, cho mượn cầu thủ phù hợp với quy định của pháp luật, quy định của LĐBĐVN, FIFA và Liên đoàn Bóng đá châu Á (AFC).

- Khen thưởng, xử lý vi phạm, giải quyết tranh chấp và giải quyết khiếu nại trong hoạt động bóng đá chuyên nghiệp;

- Phê duyệt Điều lệ giải, kế hoạch tổ chức các hoạt động bóng đá chuyên nghiệp hàng năm.

- Chủ trì tổ chức tập huấn giám sát, trọng tài làm nhiệm vụ tại các giải bóng đá chuyên nghiệp hàng năm; và/hoặc các đối tượng khác theo quyết định của LĐBĐVN.

2. Đơn vị tổ chức giải:

a) Đơn vị tổ chức giải là tổ chức thành viên của LĐBĐVN hoặc tổ chức, đơn vị khác trực tiếp quản lý, tổ chức và điều hành các giải bóng đá chuyên nghiệp, gồm giải Vô địch quốc gia, giải hạng Nhất quốc gia, giải Cúp quốc gia, trận Siêu Cúp quốc gia, trận đấu xác định đội lên - xuống hạng (play-off) trên cơ sở Hợp đồng giao quyền ký với LĐBĐVN theo quy định của pháp luật, quy định của FIFA, AFC, LĐBĐVN, Quy chế này và chịu trách nhiệm trước LĐBĐVN về đảm bảo an ninh an toàn, tính trung thực và kết quả chuyên môn của giải đấu.

b) Trách nhiệm và quyền hạn của Đơn vị tổ chức giải:

- Được quyền khai thác tài trợ, quảng cáo, bản quyền truyền hình và thương quyền của các giải bóng đá chuyên nghiệp được giao quyền theo Hợp đồng với LĐBĐVN;

- Xây dựng và ban hành Điều lệ giải và kế hoạch tổ chức thi đấu các giải bóng đá chuyên nghiệp sau khi được LĐBĐVN phê duyệt;

- Phối hợp với LĐBĐVN tổ chức tập huấn giám sát, trọng tài làm nhiệm vụ tại các giải bóng đá chuyên nghiệp hàng năm;

- Chủ trì tổ chức tập huấn điều phối viên, cán bộ truyền thông, cán bộ an ninh, cán bộ y tế làm nhiệm vụ tại các giải bóng đá chuyên nghiệp hàng năm.

- Thực hiện tổ chức, điều hành các giải bóng đá chuyên nghiệp theo kế hoạch và Điều lệ giải đã được phê duyệt.

- Phối hợp với các phòng, ban, các cơ quan của LĐBĐVN trong quá trình thực hiện việc tổ chức, điều hành các giải bóng đá chuyên nghiệp.

- Quyết định địa điểm thi đấu trận Siêu Cúp quốc gia, trận Chung kết Cúp quốc gia và trận play-off (nếu có).

Điều 4. Hệ thống giải bóng đá chuyên nghiệp

1. Hệ thống giải bóng đá chuyên nghiệp gồm: Giải Vô địch quốc gia; giải hạng Nhất quốc gia; giải Cúp quốc gia; trận Siêu Cúp và các trận đấu, giải bóng đá chuyên nghiệp khác (nếu có).

Câu lạc bộ tham dự giải Vô địch quốc gia được gọi là câu lạc bộ Ngoại hạng và câu lạc bộ tham dự giải hạng Nhất quốc gia được gọi là câu lạc bộ hạng Nhất.

2. Trận Siêu Cúp quốc gia là trận đấu giữa câu lạc bộ đoạt chức vô địch giải Vô địch quốc gia và câu lạc bộ đoạt Cúp quốc gia của một mùa giải.

Trường hợp một câu lạc bộ vừa đoạt chức vô địch giải Vô địch quốc gia vừa đoạt Cúp quốc gia trong cùng một mùa giải thì trận Siêu Cúp quốc gia là trận đấu giữa câu lạc bộ đó và câu lạc bộ xếp thứ nhì của giải Vô địch quốc gia. Trận Siêu Cúp quốc gia được tổ chức vào thời điểm trước khi bắt đầu mùa giải của năm tiếp theo.

3. Mùa giải bóng đá chuyên nghiệp được xác định từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/10. LĐBĐVN có quyền điều chỉnh thời gian mùa giải bóng đá chuyên nghiệp phù hợp với diễn biến của hoạt động bóng đá chuyên nghiệp.

Điều 5. Những hành vi bị cấm trong hoạt động bóng đá chuyên nghiệp

1. Dùng lời nói, hành động phân biệt chủng tộc, tôn giáo, giới tính, thành phần xã hội.

2. Hành vi tiêu cực gây ảnh hưởng tới tính khách quan trong thi đấu bóng đá hoặc làm sai lệch kết quả thi đấu.

3. Ứng xử (dùng lời nói, hành động) thiếu văn hoá đối với LĐBĐVN, Đơn vị tổ chức giải, Ban Tổ chức giải, giám sát, trọng tài và các câu lạc bộ khác.

4. Sử dụng các chất, phương pháp bị FIFA cấm trong huấn luyện và thi đấu.

5. Các hành vi bị cấm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Nghĩa vụ tham gia Đội dự tuyển quốc gia, Đội tuyển quốc gia

1. Câu lạc bộ:

a) Câu lạc bộ có trách nhiệm cung cấp cầu thủ cho Đội dự tuyển quốc gia, Đội tuyển quốc gia các lứa tuổi của Việt Nam (gọi chung là Đội tuyển) và của quốc gia nơi cầu thủ có quốc tịch, khi được yêu cầu, theo quy định của FIFA và LĐBĐVN.

b) Câu lạc bộ cung cấp huấn luyện viên và cầu thủ cho Đội tuyển không được hưởng khoản bồi thường về tài chính, trừ khi có quyết định khác của LĐBĐVN.

c) Câu lạc bộ có trách nhiệm duy trì chế độ lương, phụ cấp và các lợi ích khác (bao gồm các chế độ bảo hiểm) của huấn luyện viên và cầu thủ theo thỏa thuận tại hợp đồng trong thời gian huấn luyện viên, cầu thủ tập trung Đội tuyển.

2. Cầu thủ:

a) Cầu thủ có nghĩa vụ chấp hành quyết định triệu tập. Trường hợp không chấp hành quyết định triệu tập vì lý do bất khả kháng hoặc có lý do chính đáng, cầu thủ phải báo cáo LĐBĐVN và được LĐBĐVN chấp thuận. Trường hợp vì lý do sức khỏe, cầu thủ phải có giấy chứng nhận của bác sỹ do LĐBĐVN chỉ định.

b) Cầu thủ được LĐBĐVN mua bảo hiểm trong thời gian tập trung. Nếu cầu thủ xảy ra chấn thương trong thời gian này, căn cứ từng trường hợp cụ thể, LĐBĐVN sẽ hỗ trợ chi phí điều trị, bao gồm ngoài phạm vi bảo hiểm.

c) Sau khi kết thúc thời gian tập trung, cầu thủ trở về thi đấu cho câu lạc bộ đã đăng ký. Thời hạn trở về câu lạc bộ không quá 24 giờ kể từ khi kết thúc thời gian tập trung. Thời hạn trên có thể kéo dài hơn trong trường hợp đặc biệt và có lý do chính đáng.

d) Cầu thủ trong thời gian tập trung được hưởng các quyền lợi đã thỏa thuận tại hợp đồng với câu lạc bộ, các quyền lợi theo các quy định có liên quan của nhà nước và LĐBĐVN.

đ) Cầu thủ không chấp hành quyết định triệu tập hoặc vắng mặt không có lý do chính đáng hoặc vi phạm kỷ luật trong sinh hoạt, tập luyện và thi đấu, làm ảnh hưởng đến danh dự, uy tín của Đội tuyển sẽ bị kỷ luật theo quy định.

3. Huấn luyện viên:

a) Huấn luyện viên có trách nhiệm tham gia theo đề nghị của LĐBĐVN sau khi được câu lạc bộ chủ quản đồng ý. Trường hợp huấn luyện viên không thể tham gia vì lý do bất khả kháng hoặc có lý do chính đáng thì phải báo cáo LĐBĐVN và được LĐBĐVN chấp thuận.

b) Sau khi kết thúc thời gian tập trung, huấn luyện viên trở về làm nhiệm vụ cho câu lạc bộ đã đăng ký. Thời hạn trở về không quá 24 giờ kể từ khi kết thúc thời gian tập trung. Thời hạn trên có thể kéo dài hơn trong trường hợp đặc biệt và có lý do chính đáng.

c) Huấn luyện viên trong thời gian tập trung được hưởng các quyền lợi đã thỏa thuận tại hợp đồng với câu lạc bộ, các quyền lợi theo quy định có liên quan của nhà nước và LĐBĐVN.

d) Huấn luyện viên trong thời gian tập trung vi phạm kỷ luật trong sinh hoạt, làm nhiệm vụ, làm ảnh hưởng đến danh dự, uy tín của Đội tuyển sẽ bị kỷ luật theo quy định.

Chương II

CÂU LẠC BỘ THAM GIA HỆ THỐNG GIẢI BÓNG ĐÁ CHUYÊN NGHIỆP

Điều 7. Câu lạc bộ bóng đá chuyên nghiệp

1. Câu lạc bộ bóng đá chuyên nghiệp là doanh nghiệp thực hiện đào tạo, huấn luyện cầu thủ, tổ chức thi đấu bóng đá chuyên nghiệp và kinh doanh trong lĩnh vực bóng đá.

2. Câu lạc bộ tham gia các giải bóng đá chuyên nghiệp phải có đủ các điều kiện sau:

- a) Có bộ máy điều hành chuyên nghiệp;
- b) Có đội bóng bao gồm các huấn luyện viên và các cầu thủ chuyên nghiệp do câu lạc bộ thành lập, quản lý và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật;
- c) Thừa nhận, cam kết thực hiện Điều lệ, Quy chế này và các quy định do LĐBĐVN, Đơn vị tổ chức giải ban hành và được Đơn vị tổ chức giải công nhận là thành viên giải đấu.

3. Câu lạc bộ bóng đá mới được thăng hạng thì thời hạn chuyển đổi sang câu lạc bộ bóng đá chuyên nghiệp (doanh nghiệp) chậm nhất là 60 ngày trước ngày khai mạc của mùa giải thứ hai giải bóng đá chuyên nghiệp.

4. Câu lạc bộ tham gia các giải bóng đá Vô địch quốc gia và hạng Nhất quốc gia phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- a) Là doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và Luật Thể dục, thể thao trong thời hạn đã được quy định tại khoản 3 Điều này.
- b) Đạt thứ hạng chuyên môn theo quy định của Điều lệ giải hàng năm.
- c) Đảm bảo các tiêu chí khác theo quy định tại các Điều 8, 9, 10, 11, 12, 13 và 36 Quy chế này.
- d) Được cấp phép tham gia giải theo Quy chế cấp phép câu lạc bộ bóng đá chuyên nghiệp của LĐBĐVN.

5. Câu lạc bộ không đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại khoản 4 Điều này sẽ bị chuyển xuống thi đấu ở hạng có các điều kiện phù hợp và bị thay thế bằng câu lạc bộ đáp ứng đầy đủ các điều kiện có thứ hạng cao ở hạng dưới liền kề hạng có câu lạc bộ không đáp ứng đủ các điều kiện.

Điều 8. Tên, biểu trưng và logo

1. Tên câu lạc bộ:
 - a) Tên riêng hoặc tên doanh nghiệp gắn với tên địa phương
 - b) Tên của câu lạc bộ không sử dụng từ ngữ, ký hiệu vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục.

c) Câu lạc bộ phải đăng ký tên đầy đủ, tên viết tắt và phải được LDBĐVN chấp thuận.

2. Tên, biểu trưng, logo của câu lạc bộ:

- Không được trùng hoặc gây nhầm lẫn với tên, biểu trưng, logo của câu lạc bộ khác đã tham dự các giải bóng đá do LDBĐVN quản lý, tổ chức;

- Không được bao gồm tên và/hoặc biểu trưng, logo của bên thứ ba, cho dù đó là đối tác thương mại hay nhà tài trợ của câu lạc bộ.

3. LDBĐVN có thể miễn trừ quy định tại khoản 2 Điều này nếu đáp ứng một trong các yêu cầu sau:

a) Tên của câu lạc bộ đã tồn tại từ trước và/hoặc được sử dụng từ khi thành lập. Bên thứ ba đã từng tham gia trực tiếp vào việc thành lập câu lạc bộ (bằng tài chính hay bằng các phương tiện khác); hoặc

b) Câu lạc bộ đã sử dụng tên này thi đấu tại một giải đấu thuộc quản lý của LDBĐVN;

4. Câu lạc bộ không được thay đổi tên trong khi mùa giải đang diễn ra.

Điều 9. Điều lệ và Quy chế hoạt động của câu lạc bộ

1. Câu lạc bộ phải có Điều lệ, Quy chế hoạt động và các quy định phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế của LDBĐVN.

2. Điều lệ hoặc bất kỳ sửa đổi, bổ sung nào đối với Điều lệ phải được câu lạc bộ đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại địa phương và gửi đến LDBĐVN, Đơn vị tổ chức giải.

3. Quy chế hoạt động của câu lạc bộ phải được gửi đến LDBĐVN, Đơn vị tổ chức giải. Quy chế hoạt động của câu lạc bộ bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên câu lạc bộ;

b) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Mã số doanh nghiệp, ngày, tháng, năm đăng ký, tên cơ quan cấp;

c) Quyết định thành lập đội bóng: Số, ngày, tháng, năm, tên, chức vụ của người ký Quyết định;

d) Các thông tin liên lạc: Địa chỉ trụ sở câu lạc bộ, số điện thoại, địa chỉ hòm thư điện tử chính thức (Email);

đ) Người đại diện theo pháp luật;

e) Mối quan hệ giữa đội bóng và câu lạc bộ: Trong đó bao gồm quy định về việc câu lạc bộ phải có trách nhiệm trong việc tổ chức, quản lý và đảm bảo việc thực hiện các nghĩa vụ thành viên giải đấu mà đội bóng tham gia;

g) Kinh phí hoạt động;

h) Quy định về tuyển dụng, quản lý và sử dụng cán bộ, huấn luyện viên, cầu thủ và các nhân viên khác;

i) Quy định về khen thưởng, kỷ luật đối với quan chức, huấn luyện viên, cầu thủ và các nhân viên khác;

k) Điều kiện giải thể và giải quyết các hậu quả khi giải thể.

Điều 10. Cơ cấu tổ chức của câu lạc bộ chuyên nghiệp

1. Cơ cấu tổ chức của câu lạc bộ chuyên nghiệp:

- a) Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên;
- b) Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên;
- c) Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc;
- d) Các phòng, ban hoặc bộ phận về các lĩnh vực: Hành chính - nhân sự; chuyên môn (kỹ thuật); đào tạo trẻ; tổ chức thi đấu; pháp lý; truyền thông; tài trợ; tài chính; cô động viên; an ninh; y tế; chuyển nhượng cầu thủ; cấp phép câu lạc bộ.
- đ) Đội bóng tham dự các giải bóng đá chuyên nghiệp.
- e) Các đội bóng trẻ (U21, U19, U17, U15, U13, U11, U9).

2. Đội bóng:

- a) Quan chức (Trưởng đoàn, giám đốc điều hành, giám đốc kỹ thuật): Là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên câu lạc bộ hoặc cán bộ có năng lực quản lý, năng lực chuyên môn được câu lạc bộ tuyển dụng, bổ nhiệm;
- b) Ban huấn luyện: Gồm huấn luyện viên trưởng và các trợ lý huấn luyện viên;
- c) Cầu thủ chuyên nghiệp và cầu thủ nghiệp dư;
- d) Nhân viên khác: Gồm bác sĩ, nhân viên vật lý trị liệu, truyền thông, an ninh, phiên dịch, phân tích kỹ thuật, phục vụ.

Điều 11. Cơ sở vật chất

1. Câu lạc bộ phải có trụ sở, cơ sở vật chất và các trang thiết bị đáp ứng yêu cầu hoạt động của câu lạc bộ, bao gồm: Bàn ghế, máy vi tính, điện thoại, internet, máy scan, máy photocopy, máy fax...

2. Mỗi câu lạc bộ phải có quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng một sân vận động trong thời gian thi đấu giải, đảm bảo an toàn về tiêu chuẩn kỹ thuật, kết cấu, đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Điều 51 Quy chế này.

Sân vận động phải có khán đài có sức chứa tối thiểu là: 10.000 (mười nghìn) khán giả đối với câu lạc bộ Ngoại hạng; 4.000 (bốn nghìn) khán giả đối với câu lạc bộ hạng Nhất.

3. Câu lạc bộ phải có tối thiểu một sân tập (khác sân thi đấu) đủ tiêu chuẩn theo quy định của LĐBĐVN và đăng ký với Ban Tổ chức giải trước mỗi giải bóng đá chuyên nghiệp.

4. Câu lạc bộ phải có Trung tâm đào tạo bóng đá trẻ hoặc Học viện bóng đá hoặc liên kết với tổ chức, đơn vị khác đào tạo cầu thủ các lứa tuổi từ U9 đến U21 (U9, U11, U13, U15, U17, U19, U21) và báo cáo với LĐBĐVN về các cầu thủ đang đào tạo (gồm tên và ngày tháng năm sinh của cầu thủ).

Điều 12. Tài chính

1. Nguồn kinh phí cho hoạt động của câu lạc bộ có thể từ nhiều nguồn khác nhau nhưng phải có nguồn gốc hợp pháp và tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về tài chính, kế toán.

2. Câu lạc bộ phải đảm bảo kinh phí hoạt động tối thiểu là 35.000.000.000 đồng/năm (ba mươi lăm tỷ đồng/năm) đối với câu lạc bộ Ngoại hạng và tối thiểu là 15.000.000.000 đồng/năm (mười lăm tỷ đồng/năm) đối với câu lạc bộ hạng Nhất.

3. Câu lạc bộ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ tài chính đối với LĐBĐVN, Đơn vị tổ chức giải, giải đấu và bên thứ ba có liên quan thì không đủ tư cách tham dự giải.

4. Các câu lạc bộ phải sử dụng hợp lý nguồn tài chính hàng năm của câu lạc bộ cho công tác đào tạo cầu thủ bóng đá trẻ.

5. Câu lạc bộ không đảm bảo được khả năng tài chính để duy trì hoạt động của đội bóng thi đấu đến hết giải chuyên nghiệp sẽ phải chuyển xuống thi đấu ở giải hạng Ba quốc gia từ mùa giải sau. Toàn bộ kết quả thi đấu của đội bóng này đối với đội bóng khác (nếu có) đều bị huỷ bỏ.

6. Câu lạc bộ được quyền thành lập và tham gia các tổ chức kinh tế; thực hiện các hoạt động thương mại, đầu tư, liên doanh-liên kết khác theo quy định của pháp luật để tăng nguồn thu. Thành viên câu lạc bộ không được nắm giữ cổ phần, không được tham gia quản lý, điều hành đội bóng của câu lạc bộ khác cùng tham gia trong một giải.

7. Lương của huấn luyện viên và cầu thủ chuyên nghiệp theo thỏa thuận trong hợp đồng với câu lạc bộ Ngoại hạng đạt mức tối thiểu 10.000.000 (mười triệu) đồng/người/tháng và với câu lạc bộ hạng Nhất đạt mức tối thiểu 6.000.000 (sáu triệu) đồng/người/tháng. LĐBĐVN có quyền điều chỉnh mức lương tối thiểu phù hợp với quy định của pháp luật và thực tiễn bóng đá chuyên nghiệp.

8. Câu lạc bộ có trách nhiệm đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho huấn luyện viên và cầu thủ theo quy định của pháp luật; thanh toán các khoản lương, phụ cấp, các khoản thưởng, chi trả các khoản tiền bồi dưỡng tập luyện cho huấn luyện viên, cầu thủ theo thỏa thuận tại hợp đồng.

9. Câu lạc bộ có trách nhiệm phổ biến, hướng dẫn và yêu cầu huấn luyện viên, cầu thủ thực hiện đúng và đầy đủ pháp luật về thuế đối với người có thu nhập cao.

10. Trong vòng 45 (bốn mươi lăm) ngày sau khi kết thúc năm tài chính, câu lạc bộ phải nộp một bản báo cáo tài chính có kiểm toán cho Đơn vị tổ chức giải, LĐBĐVN và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của báo cáo tài chính đó.

11. Câu lạc bộ thuộc loại hình doanh nghiệp Công ty cổ phần, có phát hành cổ phiếu có trách nhiệm báo cáo LĐBĐVN và Đơn vị tổ chức giải danh sách cổ đông sáng lập và cổ đông nắm giữ cổ phần chi phối, đồng thời cập nhật danh sách các cổ đông này tới LĐBĐVN và Đơn vị tổ chức giải khi có sự thay đổi.

12. Câu lạc bộ có trách nhiệm tuân thủ nghĩa vụ tài chính đối với cầu thủ và câu lạc bộ khác theo các điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng ký với cầu thủ chuyên nghiệp và thỏa thuận chuyên nhượng, cho mượn cầu thủ. Nếu câu lạc bộ chậm trễ trong việc thanh toán khoản tiền đến hạn quá 30 (ba mươi) ngày theo quy định của hợp đồng có thể bị xử lý theo Quy định về kỷ luật của LĐBĐVN.

Câu lạc bộ bị cho là có những khoản thanh toán quá hạn theo quy định tại khoản này thì câu lạc bộ, cầu thủ bị nợ tiền phải thông báo bằng văn bản yêu cầu câu lạc bộ nợ tiền thanh toán tiền trong khoảng thời gian ít nhất là 10 (mười) ngày.

Điều 13. Quản lý, sử dụng lao động của câu lạc bộ

1. Câu lạc bộ phải ký kết hợp đồng lao động với người lao động theo quy định của pháp luật về lao động và phù hợp với quy định của FIFA, AFC và Quy chế này. Nếu có Đại diện cầu thủ tham gia vào việc thương thảo hợp đồng thì phải có đầy đủ họ tên và chữ ký của Đại diện cầu thủ trong hợp đồng.

2. Khi sử dụng lao động là người nước ngoài, câu lạc bộ phải thực hiện đầy đủ các thủ tục về xin cấp giấy phép lao động theo quy định của pháp luật Việt Nam.

3. Trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày ký kết hợp đồng với huấn luyện viên, cầu thủ, câu lạc bộ phải gửi một bản chính của hợp đồng, phụ lục của hợp đồng (nếu có) đến LĐBĐVN để đăng ký và được LĐBĐVN bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp trong việc quản lý và sử dụng huấn luyện viên, cầu thủ đó.

4. Câu lạc bộ chỉ được ký hợp đồng đào tạo với cầu thủ dưới 21 tuổi.

5. Được quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về lao động hoặc trọng tài hoặc LĐBĐVN giải quyết tranh chấp lao động giữa câu lạc bộ với huấn luyện viên, cầu thủ.

Điều 14. Sở hữu và chuyển đổi chủ sở hữu của câu lạc bộ

1. Sở hữu câu lạc bộ

LĐBĐVN không công nhận:

a) Tổ chức, cá nhân sở hữu hai câu lạc bộ, đội bóng trở lên tham gia trong cùng một giải đấu.

b) Tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với nhiều câu lạc bộ, đội bóng tham gia quản lý, điều hành nhiều câu lạc bộ, đội bóng thi đấu trong cùng một giải đấu. Các trường hợp có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp được xác định theo quy định của Luật Doanh nghiệp, gồm:

- Công ty mẹ, người quản lý công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý đó đối với công ty con trong nhóm công ty;

- Công ty con đối với công ty mẹ trong nhóm công ty;

- Người hoặc nhóm người có khả năng chi phối việc ra quyết định, hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua các cơ quan quản lý doanh nghiệp;

- Người quản lý doanh nghiệp;

- Vợ, chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý công ty hoặc của nhân viên, cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối;

- Cá nhân được uỷ quyền đại diện cho những người, công ty quy định tại các đoạn trên của khoản này;

- Nhóm người thoả thuận cùng phối hợp để thu góp phần vốn góp, cổ phần hoặc lợi ích ở công ty hoặc để chi phối việc ra quyết định của công ty;

- Doanh nghiệp trong đó những người, công ty quy định tại các đoạn trên của khoản này có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định của các cơ quan quản lý ở doanh nghiệp đó.

2. Chuyển đổi chủ sở hữu của câu lạc bộ bóng đá chuyên nghiệp:

Chuyển đổi chủ sở hữu của câu lạc bộ bóng đá chuyên nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và các quy định pháp luật liên quan.

Sau khi thực hiện chuyển đổi chủ sở hữu, câu lạc bộ bóng đá chuyên nghiệp phải gửi hồ sơ chuyển đổi chủ sở hữu tới LDBĐVN, bao gồm:

- Văn bản, thoả thuận về việc chuyển giao quyền sở hữu, thay đổi tỉ lệ sở hữu doanh nghiệp, chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp trong doanh nghiệp và các tài liệu liên quan khác theo yêu cầu của LDBĐVN;

- Văn bản, tài liệu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận chuyển đổi chủ sở hữu câu lạc bộ bóng đá chuyên nghiệp;

- Điều lệ, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, danh sách thành viên hoặc danh sách cổ đông của câu lạc bộ bóng đá chuyên nghiệp và những văn bản khác liên quan theo yêu cầu của LDBĐVN.

Điều 15. Chuyển đổi câu lạc bộ bóng đá ngoài chuyên nghiệp thành câu lạc bộ bóng đá chuyên nghiệp

1. Việc chuyển đổi câu lạc bộ bóng đá ngoài chuyên nghiệp thành câu lạc bộ bóng đá chuyên nghiệp theo khoản 3 Điều 7 của Quy chế này thực hiện thông qua Hợp đồng chuyển giao câu lạc bộ. Việc chuyển đổi này phải được LDBĐVN phê duyệt. LDBĐVN không công nhận việc chuyển đổi trong khi mùa giải đang diễn ra.

Hợp đồng chuyển giao phải đảm bảo nội dung gồm: Chuyển giao nhân sự (cầu thủ, huấn luyện viên,...), suất thi đấu, quyền tham dự giải; trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ đối với LDBĐVN, Đơn vị tổ chức giải và các bên thứ ba có liên quan (người lao động, đơn vị chuyển nhượng/cho mượn cầu thủ) và các vấn đề khác (nếu cần).

2. Khi có sự chuyển đổi theo Điều này thì bên nhận chuyển giao được phép chuyển đổi tên gọi theo quy định tại Điều 8 của Quy chế này và được giữ hạng, suất thi đấu của câu lạc bộ chuyển giao nếu đáp ứng các yêu cầu sau:

- Đăng ký sân vận động trong cùng tỉnh/ thành phố với văn phòng của bên chuyển giao. Trường hợp sân vận động không trong cùng tỉnh/thành phố với văn phòng của bên chuyển giao thì bên nhận chuyển giao phải có văn bản nêu rõ lý do gửi LDBĐVN xem xét, quyết định.

- Trong danh sách đăng ký thi đấu của câu lạc bộ bóng đá chuyên nghiệp phải có ít nhất 11 (mười một) cầu thủ của câu lạc bộ bóng đá ngoài chuyên nghiệp được chuyển đổi đã tham dự chính thức giải gần nhất của hạng đó do Đơn vị tổ chức giải tổ chức;

- Việc chuyển đổi theo Điều này trong mọi trường hợp phải bảo đảm các nghĩa vụ, khoản nợ của bên chuyển giao đối với LDBĐVN, Đơn vị tổ chức giải và bên thứ ba có liên quan đã được thực hiện đầy đủ.

- Bên nhận chuyển giao phải đảm bảo đã hoàn tất các thủ tục cần thiết với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Việc chuyển giao câu lạc bộ chỉ được thực hiện sau khi đã tham dự 01 (một) giải chính thức do Đơn vị tổ chức giải tổ chức.

3. Hồ sơ chuyển đổi câu lạc bộ bóng đá ngoài chuyên nghiệp thành câu lạc bộ bóng đá chuyên nghiệp phải được gửi đến LDBĐVN phê duyệt ít nhất 60 (sáu mươi) ngày trước ngày khai mạc giải, gồm:

- Văn bản đề nghị LDBĐVN phê duyệt việc chuyển đổi câu lạc bộ bóng đá ngoài chuyên nghiệp thành câu lạc bộ bóng đá chuyên nghiệp và việc thay đổi tên của câu lạc bộ (nếu có);

- Hợp đồng chuyển giao câu lạc bộ;

- Bằng chứng về việc bên chuyển giao đã thanh toán hết các khoản nợ đối với LDBĐVN, Đơn vị tổ chức giải, giải đấu và bên thứ ba có liên quan hoặc bên nhận chuyển giao đồng ý tiếp nhận thanh toán các khoản nợ của bên chuyển giao. Bên nhận chuyển giao có trách nhiệm chứng minh bên chuyển giao đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính đối với LDBĐVN, Đơn vị tổ chức giải, giải đấu và bên thứ ba có liên quan;

- Tài liệu liên quan đến thông tin của câu lạc bộ bóng đá chuyên nghiệp gồm: Điều lệ, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, danh sách thành viên hoặc danh sách cổ đông của câu lạc bộ bóng đá chuyên nghiệp và những văn bản liên quan khác theo yêu cầu của LDBĐVN.

4. Việc chuyển đổi được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, quy định của LDBĐVN và không làm ảnh hưởng tới việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của câu lạc bộ đối với LDBĐVN, Đơn vị tổ chức giải, giải đấu và bên thứ ba có liên quan. Nếu vi phạm, câu lạc bộ sẽ phải chịu hình thức kỷ luật theo Quy định về kỷ luật của LDBĐVN.

5. Khi việc chuyển đổi câu lạc bộ theo Điều này được LDBĐVN công nhận, bên nhận chuyển giao có trách nhiệm tiếp nhận và đảm bảo các nghĩa vụ đối với LDBĐVN, Đơn vị tổ chức giải, giải đấu và bên thứ ba có liên quan.

Điều 16. Trách nhiệm của câu lạc bộ khi có sự thay đổi

Câu lạc bộ có trách nhiệm thông báo và đề xuất LDBĐVN công nhận khi có sự thay đổi về hình thức pháp lý bao gồm cả việc sáp nhập với một đơn vị khác hoặc chuyển đổi câu lạc bộ bóng đá ngoài chuyên nghiệp thành câu lạc bộ bóng đá chuyên nghiệp hoặc hình thức nhận diện (bao gồm trụ sở, tên, biểu trưng, logo, màu sắc).

Điều 17. Trách nhiệm của câu lạc bộ không còn là thành viên của LDBĐVN

Câu lạc bộ không còn là thành viên của LDBĐVN vẫn có trách nhiệm thực hiện các điều khoản của hợp đồng đã ký với cầu thủ hoặc những người khác, có trách nhiệm pháp lý đối với các khoản tiền đến kỳ phải trả theo quy định của các hợp đồng còn hiệu lực đã ký.

Chương III

CẦU THỦ BÓNG ĐÁ CHUYÊN NGHIỆP

Điều 18. Cầu thủ chuyên nghiệp và cầu thủ nghiệp dư

Cầu thủ chuyên nghiệp là cầu thủ có hợp đồng bằng văn bản với một câu lạc bộ và được trả công nhiều hơn tổng mức chi phí để duy trì hoạt động bóng đá của mình. Các cầu thủ khác là cầu thủ nghiệp dư.

Điều 19. Cầu thủ chuyển từ chuyên nghiệp thành nghiệp dư

1. Cầu thủ đã được đăng ký tư cách chuyên nghiệp chỉ được đăng ký lại với tư cách nghiệp dư sau 30 (ba mươi) ngày kể từ trận đấu cuối cùng mà cầu thủ đã tham dự với tư cách chuyên nghiệp. Trường hợp ngoại lệ, sẽ do LĐBĐVN xem xét, quyết định đối với cầu thủ chuyên nghiệp lấy lại tư cách nghiệp dư khi tham dự các giải bóng đá trẻ quốc gia.

2. Nếu cầu thủ đăng ký tư cách chuyên nghiệp trong vòng 30 (ba mươi) tháng kể từ khi lấy lại tư cách nghiệp dư, câu lạc bộ mới của cầu thủ phải trả khoản bồi thường phí đào tạo theo quy định tại Điều 28 Quy chế này.

Điều 20. Cầu thủ chuyển từ nghiệp dư thành chuyên nghiệp

1. Trong vòng 30 (ba mươi) tháng kể từ ngày một cầu thủ có tư cách chuyên nghiệp chuyển sang đăng ký tư cách nghiệp dư, nếu cầu thủ đó lấy lại tư cách chuyên nghiệp, câu lạc bộ mà cầu thủ đã đăng ký tư cách chuyên nghiệp trước khi đăng ký tư cách nghiệp dư có quyền được hưởng từ câu lạc bộ đăng ký lại tư cách chuyên nghiệp cho cầu thủ một khoản bồi hoàn cho việc đào tạo cầu thủ nếu cầu thủ đó dưới 25 (hai mươi lăm) tuổi.

2. Nếu nghi ngờ cầu thủ đã trở lại tư cách nghiệp dư vẫn thi đấu như một cầu thủ chuyên nghiệp thì câu lạc bộ trước đó nơi cầu thủ đã đăng ký là cầu thủ chuyên nghiệp có quyền đề nghị LĐBĐVN điều tra làm rõ.

Điều 21. Hợp đồng lao động bóng đá chuyên nghiệp

1. Hợp đồng lao động bóng đá chuyên nghiệp là hợp đồng lao động ký giữa câu lạc bộ và cầu thủ chuyên nghiệp theo quy định của pháp luật về lao động và phù hợp với quy định của FIFA, AFC và Quy chế này. Cầu thủ dưới 18 tuổi không được ký hợp đồng lao động bóng đá chuyên nghiệp có thời hạn quá 03 (ba) năm. Trường hợp ký kết hợp đồng giữa câu lạc bộ và cầu thủ là người nước ngoài thì ngoài các quy định trên còn phải tuân thủ Quy chế về địa vị pháp lý và chuyển nhượng cầu thủ của FIFA.

2. Hợp đồng làm thành tối thiểu 03 (ba) bản chính, một bản lưu tại câu lạc bộ, một bản do cầu thủ giữ, một bản đăng ký tại LĐBĐVN. Nếu có Đại diện cầu thủ tham gia vào việc thương thảo hợp đồng thì phải có đầy đủ họ tên và chữ ký của Đại diện cầu thủ trong hợp đồng.

3. Các điều khoản của hợp đồng cho phép câu lạc bộ thêm thời gian thanh toán số tiền đến hạn cho cầu thủ chuyên nghiệp sẽ không được công nhận, ngoại trừ được nêu trong thỏa ước lao động tập thể.

4. Cầu thủ chỉ có thể được ký kết hợp đồng với một câu lạc bộ khác khi hợp đồng với câu lạc bộ hiện thời đã hết hạn hoặc sẽ hết hạn trong vòng 06 (sáu) tháng mà hai bên không quyết định gia hạn hay ký tiếp.

Câu lạc bộ dự định ký hợp đồng với cầu thủ, phải thông báo bằng văn bản cho câu lạc bộ hiện thời của cầu thủ trước khi tiến hành thương thảo với cầu thủ đó. Trong quá trình thương thảo, các bên không được trao đổi lợi ích vật chất hoặc có bất cứ thỏa thuận nào nhằm làm ảnh hưởng tới tinh thần và kết quả thi đấu của cầu thủ tại câu lạc bộ hiện thời. Cầu thủ hoặc câu lạc bộ vi phạm quy định này sẽ phải chịu hình thức kỷ luật theo Quy định về kỷ luật của LĐBĐVN.

5. Trong hợp đồng lao động phải quy định việc cầu thủ có nghĩa vụ tuân thủ các quy định hiện hành của câu lạc bộ: Nội quy, quy định, quy chế, thỏa ước lao động tập thể (nếu có) và câu lạc bộ phải cung cấp hoặc phổ biến cho cầu thủ các quy định này khi ký kết hợp đồng lao động với cầu thủ.

6. Việc xử lý kỷ luật đối với cầu thủ không được trái quy định của pháp luật về lao động. Nếu việc áp dụng kỷ luật là không đúng, câu lạc bộ có trách nhiệm hủy bỏ thực hiện kỷ luật, công khai xin lỗi cầu thủ trước toàn đội, khôi phục danh dự và các quyền lợi vật chất cho cầu thủ như trước khi chưa bị kỷ luật.

7. Nếu cầu thủ đang trong thời gian bị đình chỉ hoặc cấm thi đấu theo quyết định kỷ luật của LĐBĐVN thì câu lạc bộ mới có trách nhiệm thực thi biện pháp kỷ luật này đối với cầu thủ.

Điều 22. Quyền lợi và trách nhiệm của cầu thủ bóng đá chuyên nghiệp

1. Tuân thủ Điều lệ và các quy định của FIFA, AFC, LĐBĐVN và Đơn vị tổ chức giải.

2. Cầu thủ được sử dụng Đại diện cầu thủ để đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích của mình trong đàm phán và ký kết hợp đồng lao động với câu lạc bộ.

3. Được câu lạc bộ đăng ký với LĐBĐVN, Đơn vị tổ chức giải vào một trong hai giai đoạn đăng ký cầu thủ do LĐBĐVN ấn định, để thi đấu cho câu lạc bộ tại giải bóng đá chuyên nghiệp theo các quy định về đăng ký cầu thủ.

4. Được quyền chuyển nhượng trong nước và quốc tế theo Quy chế này, quy định của pháp luật và phù hợp với quy định của FIFA, AFC. Trường hợp các câu lạc bộ, cầu thủ tham gia chuyển nhượng quốc tế thì phải thực hiện theo Quy chế về địa vị pháp lý và chuyển nhượng cầu thủ của FIFA.

5. Được quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về lao động hoặc trọng tài hoặc LĐBĐVN giải quyết tranh chấp lao động giữa cầu thủ với câu lạc bộ.

6. Các quyền lợi và trách nhiệm khác theo quy định.

Điều 23. Chấm dứt hợp đồng lao động bóng đá chuyên nghiệp

1. Hợp đồng lao động bóng đá chuyên nghiệp chỉ có thể được chấm dứt khi hết thời hạn hoặc theo sự thỏa thuận của các bên.

2. Chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn:

a) Cầu lạc bộ, cầu thủ có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn trong các trường hợp theo quy định của pháp luật về lao động, Quy chế này và quy định của FIFA. Bên đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật hoặc không có lý do chính đáng sẽ phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật, quy định của LĐBĐVN, FIFA.

b) Cầu lạc bộ hoặc cầu thủ có hành vi gian dối, ép buộc bên còn lại nhằm chấm dứt hoặc thay đổi các điều khoản của hợp đồng lao động thì bên còn lại được quyền chấm dứt hợp đồng có lý do chính đáng mà không phải bồi thường hoặc không bị áp dụng các biện pháp phạt thể thao.

3. Đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn vì lý do nợ lương:

a) Cầu thủ có thể đơn phương chấm dứt hợp đồng trước thời hạn nếu không được câu lạc bộ trả tối thiểu 02 (hai) tháng tiền lương khi đến hạn.

b) Trường hợp cầu thủ không hưởng lương theo tháng, câu lạc bộ không trả khoản tiền lương tương đương tối thiểu 02 (hai) tháng tiền lương khi đến hạn thì cầu thủ có thể đơn phương chấm dứt hợp đồng trước thời hạn.

c) Cầu thủ chỉ có thể được chấm dứt hợp đồng theo các điểm a, b khoản này với điều kiện đã thông báo bằng văn bản cho câu lạc bộ về việc không thanh toán tiền lương mặc dù đã đưa ra thời hạn tối thiểu là 15 (mười lăm) ngày để câu lạc bộ thực hiện nghĩa vụ tài chính của mình.

d) Nếu thỏa ước lao động tập thể có quy định khác với các điểm a, b, c khoản này thì thực hiện theo thỏa ước lao động tập thể.

4. Đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn vì lý do thể thao chính đáng:

a) Trong một mùa giải nếu cầu thủ được ra sân ít hơn 10% tổng số trận đấu chính thức của câu lạc bộ thì cầu thủ có thể đơn phương chấm dứt hợp đồng. Trong trường hợp này, cầu thủ không bị áp dụng các biện pháp phạt thể thao nhưng có thể phải bồi thường theo hợp đồng, theo thỏa thuận của các bên ở mức hợp lý thấp;

b) Cầu thủ chỉ có thể được chấm dứt hợp đồng theo điểm a khoản này sau 15 ngày tính từ trận đấu chính thức cuối cùng trong mùa giải của câu lạc bộ mà cầu thủ đã đăng ký thi đấu.

5. Hậu quả của việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật hoặc không có lý do chính đáng:

a) Trong mọi trường hợp, bên vi phạm sẽ phải bồi thường. Mức bồi thường phá vỡ hợp đồng được tính toán trên cơ sở quy định của pháp luật về lao động, Quy chế này, các quy định liên quan và đặc thù của môn bóng đá; đồng thời tính toán trên cơ sở thời gian còn lại của hợp đồng bị chấm dứt trước thời hạn (tối đa là 36 tháng đối với hợp đồng không xác định thời hạn) nếu cầu thủ không ký bất kỳ hợp đồng mới nào sau khi chấm dứt hợp đồng trước đó; các khoản phí và khoản phải chi do câu lạc bộ đã trả hoặc phải chịu. Quy định của FIFA về mức bồi thường giảm nhẹ và mức bồi thường bổ sung có thể được xem xét áp dụng.

Nếu thỏa ước lao động tập thể khác với quy định nêu trên nhưng phù hợp với quy định của pháp luật về lao động thì thực hiện theo thỏa ước lao động tập thể.

b) Quyền được hưởng bồi thường không được chuyển nhượng cho bên thứ ba. Nếu cầu thủ phải trả tiền bồi thường, cầu thủ và câu lạc bộ mới của cầu thủ phải cùng chấp hành nghiêm chỉnh nghĩa vụ trả tiền.

c) Ngoài nghĩa vụ trả tiền bồi thường, bất kỳ câu lạc bộ hoặc cầu thủ nào đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật hoặc không có lý do chính đáng có thể phải chịu các hình thức kỷ luật theo Quy định về kỷ luật của LĐBĐVN.

6. Câu lạc bộ, cầu thủ không được đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trong khi mùa giải đang diễn ra.

Điều 24. Kết thúc hoạt động thi đấu

Cầu thủ chuyên nghiệp chấm dứt sự nghiệp cầu thủ khi hợp đồng lao động hết hạn sẽ được giữ nguyên tư cách đã đăng ký tại LĐBĐQG nơi có câu lạc bộ sau cùng của cầu thủ trong thời hạn 30 (ba mươi) tháng kể từ ngày cầu thủ thi đấu trận đấu chính thức cuối cùng cho câu lạc bộ.

Điều 25. Cầu thủ thực hiện nghĩa vụ quân sự

1. Cầu thủ có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ quân sự theo quy định của pháp luật. Cầu thủ đang trong độ tuổi nghĩa vụ quân sự mà chưa thực hiện nghĩa vụ quân sự vẫn được phép ký hợp đồng thi đấu bóng đá chuyên nghiệp.

2. Câu lạc bộ, đội bóng có trách nhiệm tạo điều kiện để cầu thủ thực hiện nghĩa vụ quân sự kể cả khi hợp đồng ký giữa cầu thủ với câu lạc bộ, đội bóng còn hiệu lực.

3. Trong thời gian thực hiện nghĩa vụ quân sự, cầu thủ đang có hợp đồng lao động bóng đá chuyên nghiệp với một câu lạc bộ, chỉ được thi đấu các giải do LĐBĐVN tổ chức cho một câu lạc bộ mới thuộc quản lý của quân đội khi được câu lạc bộ cũ đồng ý thông qua hợp đồng chuyển nhượng tạm thời.

4. Cầu thủ đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự có thể tiếp tục đăng ký với câu lạc bộ đã đăng ký trước khi thực hiện nghĩa vụ quân sự nếu hợp đồng với câu lạc bộ đó còn hiệu lực.

Điều 26. Chuyển nhượng cầu thủ

1. Chuyển nhượng cầu thủ là thỏa thuận giữa hai câu lạc bộ và cầu thủ tại thời điểm hợp đồng lao động của cầu thủ còn hiệu lực, theo đó bên chuyển nhượng là câu lạc bộ còn hợp đồng lao động với cầu thủ chuyển giao quyền ký hợp đồng lao động với cầu thủ cho bên nhận chuyển nhượng là câu lạc bộ mới. Câu lạc bộ nhận chuyển nhượng phải trả tiền cho câu lạc bộ chuyển nhượng theo thỏa thuận.

Việc chuyển nhượng cầu thủ dưới 25 tuổi giữa các câu lạc bộ phải tuân thủ quy định về bồi hoàn chi phí đào tạo cầu thủ và nguyên tắc phân chia đoàn kết được quy định tại Điều 28 Quy chế này. Trường hợp chuyển nhượng cầu thủ có yếu tố nước ngoài được thực hiện theo Quy chế về địa vị pháp lý và chuyển nhượng cầu thủ của FIFA.

2. Câu lạc bộ không được dùng tiền, tài sản hay bất kỳ lợi ích vật chất nào đối với cầu thủ hoặc người có ảnh hưởng đến cầu thủ để xúi giục cầu thủ ký

hợp đồng với câu lạc bộ mình hoặc câu lạc bộ khác trong thời gian hợp đồng lao động giữa cầu thủ và câu lạc bộ hiện thời còn hiệu lực. Cầu thủ không được xúi giục hoặc tìm cách xúi giục cầu thủ khác trong câu lạc bộ rời bỏ câu lạc bộ vì bất cứ lý do gì.

3. Hợp đồng chuyển nhượng cầu thủ giữa hai câu lạc bộ phải được lập thành văn bản có chữ ký của cầu thủ và đại diện có thẩm quyền của hai câu lạc bộ tham gia chuyển nhượng. Trong hợp đồng chuyển nhượng cầu thủ (hoặc bản thanh lý hợp đồng lao động), những điều khoản liên quan đến việc hạn chế quyền thi đấu của cầu thủ ở bất kỳ trận đấu nào đều không có giá trị.

4. Khi tiến hành chuyển nhượng, câu lạc bộ phải chuyển đầy đủ hồ sơ bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và các hồ sơ liên quan đến kỷ luật của cầu thủ (nếu có) cho câu lạc bộ mới.

5. Câu lạc bộ mới phải gửi hồ sơ chuyển nhượng đến LĐBĐVN gồm: Hợp đồng chuyển nhượng cầu thủ (đính kèm Tiểu sử nghề nghiệp của cầu thủ trong đó có ghi rõ các câu lạc bộ, tên giải đấu mà cầu thủ đã từng thi đấu và thời gian thi đấu tại các câu lạc bộ dựa trên lời khai của cầu thủ), hợp đồng lao động giữa câu lạc bộ và cầu thủ để được LĐBĐVN xác nhận tư cách cầu thủ khi đăng ký với câu lạc bộ mới.

6. Việc chuyển nhượng cầu thủ trong nước và quốc tế phải được thực hiện trong các giai đoạn đăng ký quy định tại Điều 38 Quy chế này.

Thời gian chuyển nhượng đầu mùa giải và giữa mùa giải do LĐBĐVN ấn định. Thời gian này (thường) trùng với thời gian xin cấp ITC đã được LĐBĐVN đăng ký trên hệ thống chuyển nhượng quốc tế (FIFA TMS).

Câu lạc bộ hoặc cầu thủ không được tham gia vào chuyển nhượng bắc cầu (nếu hai cuộc chuyển nhượng liên tiếp ở trong nước hoặc quốc tế của cùng một cầu thủ, trong đó việc đăng ký cầu thủ này với câu lạc bộ trung gian được thực hiện nhằm trốn tránh việc áp dụng các quy định hoặc luật pháp có liên quan và/hoặc với mục đích lừa gạt một cá nhân hoặc tổ chức khác, các bên (câu lạc bộ và cầu thủ) liên quan tới hai cuộc chuyển nhượng đó được coi là đã tham gia vào chuyển nhượng bắc cầu), nếu vi phạm có thể bị xử lý kỷ luật theo quy định.

Điều 27. Cho mượn cầu thủ

1. Cầu thủ có thể được câu lạc bộ của cầu thủ cho câu lạc bộ khác mượn trên cơ sở thỏa thuận bằng hợp đồng giữa cầu thủ và những câu lạc bộ có liên quan. Trong hợp đồng cho mượn phải nêu rõ quyền và nghĩa vụ của mỗi bên, thời hạn cho mượn. Các quy định áp dụng trong chuyển nhượng cầu thủ cũng được áp dụng trong trường hợp cho mượn cầu thủ, bao gồm cả quy định về bồi thường phí đào tạo cầu thủ và nguyên tắc phân chia đoàn kết.

2. Giai đoạn cho mượn tối thiểu phải bằng thời gian giữa hai giai đoạn đăng ký quy định tại Điều 38 Quy chế này. Khi hết thời hạn cho mượn, cầu thủ phải trở lại câu lạc bộ cho mượn, trừ trường hợp hợp đồng lao động với câu lạc bộ cho mượn đã hết hiệu lực.

3. Câu lạc bộ mượn cầu thủ không có quyền chuyển nhượng cầu thủ này cho một câu lạc bộ thứ ba mà không được sự cho phép bằng văn bản của câu lạc bộ đã cho mượn cầu thủ và của chính cầu thủ đó.

4. Mọi vấn đề nảy sinh liên quan đến tính pháp lý của cầu thủ cho mượn sẽ được LĐBĐVN giải quyết.

Điều 28. Bồi thường chi phí đào tạo cầu thủ

1. Câu lạc bộ phải bồi thường chi phí đào tạo cho câu lạc bộ, đội bóng đã đào tạo cầu thủ trước khi kết thúc sinh nhật lần thứ 25 của cầu thủ trong các trường hợp sau đây:

- a) Đăng ký cầu thủ với tư cách chuyên nghiệp lần đầu tiên;
- b) Khi nhận chuyển nhượng cầu thủ chuyên nghiệp (dù đang trong thời hạn hợp đồng hay khi hết hạn hợp đồng).

2. Không phải bồi thường chi phí đào tạo cầu thủ trong các trường hợp sau đây:

- a) Câu lạc bộ trước đây chấm dứt hợp đồng trước thời hạn với cầu thủ không có lý do chính đáng (không làm ảnh hưởng tới các quyền của những câu lạc bộ trước đó);
- b) Cầu thủ được chuyển nhượng cho câu lạc bộ thuộc cấp độ 4.
- c) Cầu thủ chuyên nghiệp lấy lại tư cách nghiệp dư khi được chuyển nhượng.

3. Trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày câu lạc bộ đăng ký cầu thủ dưới 25 tuổi với tư cách chuyên nghiệp lần đầu tiên, câu lạc bộ có trách nhiệm bồi thường chi phí đào tạo cho các câu lạc bộ, đội bóng đã đào tạo cầu thủ tính từ sinh nhật lần thứ 12 của cầu thủ, khoản tiền bồi thường chi phí đào tạo được tính tương ứng với thời gian câu lạc bộ, đội bóng đã đào tạo cầu thủ. Trong những lần chuyển nhượng tiếp theo của cầu thủ chuyên nghiệp, câu lạc bộ mới chỉ phải trả cho câu lạc bộ trước đây của cầu thủ khoản tiền tương ứng với thời gian đào tạo của cầu thủ tại câu lạc bộ này.

Trong những trường hợp nói trên, thời hạn để trả tiền bồi thường chi phí đào tạo là 30 (ba mươi) ngày tiếp sau ngày đăng ký cầu thủ chuyên nghiệp.

LĐBĐVN được nhận khoản bồi thường phí đào tạo của một trong các câu lạc bộ thành viên đã đào tạo cầu thủ nếu chứng minh được câu lạc bộ đó không còn tham gia hoạt động bóng đá và/hoặc không còn tồn tại như phá sản, giải thể hoặc mất tư cách thành viên (bị đình chỉ, khai trừ). Khoản bồi thường này được dành cho chương trình phát triển bóng đá trẻ của LĐBĐVN.

4. Tiền bồi thường chi phí đào tạo cầu thủ được tính theo cách lấy số tiền chi cho đào tạo một cầu thủ trẻ trong một năm tại câu lạc bộ mới nhân với hệ số thể hiện cấp độ đào tạo của câu lạc bộ và số năm đào tạo. Câu lạc bộ mới có trách nhiệm tính tiền bồi thường chi phí đào tạo và cách phân chia số tiền này theo quy định tại Quy chế này.

5. Chi phí đào tạo cầu thủ trẻ, cấp độ của câu lạc bộ hoặc đội bóng và hệ số thể hiện cấp độ đào tạo của câu lạc bộ:

Chi phí đào tạo cho một cầu thủ trẻ trung bình là: 70.000.000đ (Bảy mươi triệu) đồng/năm.

Cấp độ và hệ số:

- a) Câu lạc bộ hoặc đội bóng đang thi đấu tại giải Vô địch quốc gia: Cấp độ 1- hệ số 6;

b) Câu lạc bộ hoặc đội bóng đang thi đấu tại giải hạng Nhất quốc gia: Cấp độ 2 - hệ số 4;

c) Câu lạc bộ hoặc đội bóng đang thi đấu tại giải hạng Nhì quốc gia: Cấp độ 3 - hệ số 2;

d) Câu lạc bộ hoặc đội bóng đang thi đấu tại giải hạng Ba quốc gia, Futsal quốc gia: Cấp độ 4 - hệ số 1,5;

đ) Cầu thủ là thành viên của Đội tuyển U23 quốc gia, Olympic, hệ số thể hiện cấp độ câu lạc bộ được cộng thêm 2;

6. Quy định về việc bồi thường chi phí đào tạo cầu thủ được áp dụng như sau:

a) Để đảm bảo mức bồi thường phí đào tạo cầu thủ trẻ không cao bất hợp lý, phí đào tạo cho các cầu thủ từ năm cầu thủ đạt từ 12 tuổi đến năm cầu thủ đạt 15 tuổi (tổng cộng 04 năm) được tính bằng chi phí đào tạo của câu lạc bộ cấp độ 4;

b) Số năm đào tạo đối với cầu thủ dưới 25 tuổi về nguyên tắc được tính là 10 năm (từ năm có sinh nhật lần thứ 12 của cầu thủ đến năm có sinh nhật lần thứ 21 của cầu thủ), trừ trường hợp cầu thủ đã chấm dứt việc đào tạo trước khi đủ 21 tuổi;

c) Cầu thủ chuyển từ một câu lạc bộ cấp độ 1, 2, 3 tới một câu lạc bộ cấp độ 4 không phải trả chi phí đào tạo.

7. Nguyên tắc phân chia đoàn kết:

Nếu cầu thủ chuyên nghiệp rời khỏi câu lạc bộ khi hợp đồng lao động còn thời hạn, thì 6% của tổng số tiền bồi thường (ngoại trừ khoản bồi thường chi phí đào tạo cầu thủ) được câu lạc bộ mới trừ đi từ khoản phải trả cho câu lạc bộ cũ và phân chia cho các câu lạc bộ đã tham gia vào đào tạo cầu thủ.

Khoản phân chia đoàn kết này tương ứng với số năm cầu thủ được đăng ký với các câu lạc bộ được phân chia (tính theo tỷ lệ nếu thời gian ít hơn 01 năm) từ mùa giải có sinh nhật lần thứ 12 đến mùa giải có sinh nhật lần thứ 25 của cầu thủ, cụ thể như sau:

a) Từ 12 - 15 tuổi: Mỗi năm là 0,25% tổng số tiền bồi thường;

b) Từ 16 - 25 tuổi: Mỗi năm là 0,5 % tổng số tiền bồi thường.

8. Câu lạc bộ mới trả khoản tiền phân chia đoàn kết cho các câu lạc bộ đã đào tạo theo quy định tại khoản 7 Điều này chậm nhất là 30 (ba mươi) ngày sau khi đăng ký cầu thủ hoặc trong trường hợp khoản phải trả phát sinh bất ngờ, thì thời hạn thực hiện là 30 ngày sau khi phát sinh khoản phải trả đó.

9. Câu lạc bộ mới có trách nhiệm tính mức phân chia đoàn kết và phân chia theo tiêu sử nghề nghiệp cầu thủ, cầu thủ trợ giúp câu lạc bộ mới trong việc hoàn thành nghĩa vụ này.

10. LDBĐVN được hưởng khoản phân chia đoàn kết của một trong các câu lạc bộ thành viên đã đào tạo cầu thủ nếu chứng minh được câu lạc bộ đó không còn tham gia hoạt động bóng đá và/hoặc không còn tồn tại như phá sản, giải thể hoặc mất tư cách thành viên (bị đình chỉ, khai trừ). Khoản phân chia này được dành cho chương trình phát triển bóng đá trẻ của LDBĐVN.

11. Trường hợp có bất đồng về tiền bồi thường chi phí đào tạo cầu thủ thì sự bất đồng đó sẽ được LDBĐVN giải quyết. Những bất đồng liên quan đến khoản tiền bồi thường chi phí đào tạo cầu thủ không ảnh hưởng đến hoạt động thi đấu hoặc nghề nghiệp của cầu thủ, cầu thủ có quyền làm việc cho câu lạc bộ mà mình đã ký hợp đồng, trừ khi LDBĐVN có quyết định khác.

12. Câu lạc bộ có hành vi không trung thực trong bồi thường chi phí đào tạo, như đăng ký sai về cầu thủ, lạm dụng hình thức chuyển nhượng, hoặc các hình thức khác để không phải bồi thường, bồi thường không đầy đủ, sẽ bị LDBĐVN buộc bồi thường cho câu lạc bộ cũ theo đúng quy định và có thể bị kỷ luật.

Điều 29. Danh sách lưu các cầu thủ của câu lạc bộ

Trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ khi kết thúc mùa giải, mỗi câu lạc bộ phải chuyển cho LDBĐVN một bản danh sách cầu thủ mà câu lạc bộ đang quản lý (gọi là danh sách lưu), bao gồm các nội dung sau:

1. Các cầu thủ đã hết hạn hợp đồng;
2. Các cầu thủ vẫn còn thời hạn hợp đồng;
3. Các cầu thủ đang đào tạo;
4. Các cầu thủ nằm trong danh sách có thể chuyển nhượng, cho mượn.

Chương IV HUẤN LUYỆN VIÊN

Điều 30. Tiêu chuẩn huấn luyện viên

1. Huấn luyện viên tham gia các giải bóng đá chuyên nghiệp phải đáp ứng yêu cầu tối thiểu về trình độ chuyên môn theo bảng liệt kê dưới đây hoặc bằng cấp huấn luyện tương đương của nước ngoài được AFC công nhận, cụ thể:

- a) Giải Vô địch quốc gia:

Vị trí huấn luyện	Yêu cầu tối thiểu			
	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Từ năm 2026
Huấn luyện viên trưởng	Bằng A AFC	Bằng A AFC	Bằng A AFC	Bằng Huấn luyện viên chuyên nghiệp (Pro AFC)
Trợ lý huấn luyện viên	Bằng A AFC	Bằng A AFC	Bằng A AFC	Bằng A AFC
Huấn luyện viên thủ môn	Cấp độ 2 (Level 2)	Cấp độ 2 (Level 2)	Cấp độ 2 (Level 2)	Cấp độ 2 (Level 2)
Huấn luyện viên thể lực	Cấp độ 2 (Level 2)	Cấp độ 2 (Level 2)	Cấp độ 2 (Level 2)	Cấp độ 2 (Level 2)

b) Giải hạng Nhất quốc gia

Vị trí huấn luyện	Yêu cầu tối thiểu			
	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Từ năm 2026
Huấn luyện viên trưởng	Bảng A AFC	Bảng A AFC	Bảng A AFC	Bảng A
Trợ lý Huấn luyện viên	Bảng B AFC	Bảng B AFC	Bảng B AFC	Bảng A AFC
Huấn luyện viên thủ môn	Cấp độ 1 (Level 1)	Cấp độ 1 (Level 1)	Cấp độ 2 (Level 2)	Cấp độ 2 (Level 2)
Huấn luyện viên thể lực	Cấp độ 1 (Level 1)	Cấp độ 1 (Level 1)	Cấp độ 2 (Level 2)	Cấp độ 2 (Level 2)

c) Đã bắt đầu khóa đào tạo được LĐBĐVN công nhận, để lấy bằng theo yêu cầu tối thiểu của từng giải; hoặc

d) Có giấy chứng nhận năng lực và kinh nghiệm do AFC cấp theo Quy chế Chứng nhận năng lực và kinh nghiệm của AFC trong trường hợp huấn luyện viên không đáp ứng yêu cầu về bằng theo yêu cầu tối thiểu của từng giải.

2. Huấn luyện viên phải có hợp đồng lao động và được câu lạc bộ đăng ký với LĐBĐVN, Đơn vị tổ chức giải.

Điều 31. Hợp đồng lao động của huấn luyện viên

1. Huấn luyện viên phải ký hợp đồng lao động với câu lạc bộ theo quy định của pháp luật về lao động và phù hợp với quy định của FIFA, AFC và Quy chế này.

2. Hợp đồng làm thành tối thiểu 03 (ba) bản chính, 01 (một) bản lưu tại câu lạc bộ, 01 (một) bản do huấn luyện viên giữ và 01 (một) bản đăng ký tại LĐBĐVN.

3. Trong hợp đồng lao động phải quy định việc huấn luyện viên có nghĩa vụ tuân thủ các quy định hiện hành của câu lạc bộ: Nội quy, quy định, quy chế, thỏa ước lao động tập thể (nếu có) và câu lạc bộ phải thông báo hoặc cung cấp cho huấn luyện viên các quy định này khi ký kết hợp đồng lao động với huấn luyện viên.

4. Các điều khoản của hợp đồng cho phép câu lạc bộ thêm thời gian thanh toán số tiền đến hạn cho huấn luyện viên sẽ không được công nhận, ngoại trừ được nêu trong thỏa ước lao động tập thể.

5. Huấn luyện viên không được đồng thời ký kết hợp đồng lao động với nhiều câu lạc bộ để huấn luyện những câu lạc bộ có lợi ích đối lập nhau.

6. Việc xử lý kỷ luật đối với huấn luyện viên không được trái quy định của pháp luật về lao động. Nếu việc áp dụng kỷ luật là không đúng, câu lạc bộ có trách nhiệm hủy bỏ thực hiện kỷ luật, công khai xin lỗi huấn luyện viên trước toàn đội, khôi phục danh dự và các quyền lợi vật chất cho huấn luyện viên như trước khi chưa bị kỷ luật.

7. Nếu huấn luyện viên đang trong thời gian bị đình chỉ hoặc cấm làm nhiệm vụ theo quyết định kỷ luật của LĐBĐVN thì câu lạc bộ mới có trách nhiệm thực thi biện pháp kỷ luật này đối với huấn luyện viên.

Điều 32. Quyền lợi và trách nhiệm của huấn luyện viên

1. Tuân thủ Điều lệ và các quy định của FIFA, AFC, LĐBĐVN và Đơn vị tổ chức giải.

2. Được câu lạc bộ đăng ký với LĐBĐVN, Đơn vị tổ chức giải để làm nhiệm vụ cho câu lạc bộ tại giải bóng đá chuyên nghiệp theo các quy định về đăng ký huấn luyện viên.

3. Được quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về lao động hoặc trọng tài hoặc LĐBĐVN giải quyết tranh chấp lao động giữa huấn luyện viên với câu lạc bộ.

4. Các quyền lợi và trách nhiệm khác theo quy định.

Điều 33. Chấm dứt hợp đồng lao động

1. Hợp đồng lao động chỉ có thể được chấm dứt khi hết thời hạn hoặc theo sự thỏa thuận của các bên.

2. Chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn:

a) Câu lạc bộ, huấn luyện viên có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn trong các trường hợp theo quy định của pháp luật về lao động, Quy chế này và quy định của FIFA. Bên đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật hoặc không có lý do chính đáng sẽ phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật, quy định của LĐBĐVN, FIFA.

b) Câu lạc bộ hoặc huấn luyện viên có hành vi gian dối, ép buộc bên còn lại nhằm chấm dứt hoặc thay đổi các điều khoản của hợp đồng lao động thì bên còn lại được quyền chấm dứt hợp đồng có lý do chính đáng mà không phải bồi thường.

3. Đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn vì lý do nợ lương:

a) Huấn luyện viên có thể đơn phương chấm dứt hợp đồng trước thời hạn nếu không được câu lạc bộ trả tối thiểu 02 (hai) tháng tiền lương khi đến hạn.

b) Trường hợp huấn luyện viên không hưởng lương theo tháng, câu lạc bộ không trả khoản tiền lương tương đương tối thiểu 02 (hai) tháng tiền lương khi đến hạn thì huấn luyện viên có thể đơn phương chấm dứt hợp đồng trước thời hạn.

c) Huấn luyện viên chỉ có thể được chấm dứt hợp đồng theo các điểm a, b khoản này với điều kiện đã thông báo bằng văn bản cho câu lạc bộ về việc không thanh toán tiền lương mặc dù đã đưa ra thời hạn tối thiểu là 15 (mười lăm) ngày để câu lạc bộ thực hiện nghĩa vụ tài chính của mình.

d) Nếu thỏa ước lao động tập thể có quy định khác với các điểm a, b, c khoản này thì thực hiện theo thỏa ước lao động tập thể

4. Hậu quả của việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật hoặc không có lý do chính đáng:

a) Trong mọi trường hợp, bên vi phạm sẽ phải bồi thường. Mức bồi thường phá vỡ hợp đồng được tính toán trên cơ sở quy định của pháp luật về lao động, Quy chế này, các quy định liên quan và đặc thù của môn bóng đá; đồng thời tính toán trên cơ sở thời gian còn lại của hợp đồng bị chấm dứt trước thời hạn (tối đa là 36 tháng đối với hợp đồng không xác định thời hạn) nếu huấn luyện viên không ký bất kỳ hợp đồng mới nào sau khi chấm dứt hợp đồng trước đó, các khoản phí và khoản phải chi do câu lạc bộ đã trả hoặc phải chịu. Quy định của FIFA về mức bồi thường giảm nhẹ và mức bồi thường bổ sung có thể được xem xét áp dụng.

b) Nếu thỏa ước lao động tập thể có quy định khác với điểm a khoản này nhưng phù hợp với quy định của pháp luật về lao động thì thực hiện theo thỏa ước lao động tập thể.

Chương V

TỔ CHỨC, ĐIỀU HÀNH CÁC GIẢI BÓNG ĐÁ CHUYÊN NGHIỆP

Mục 1

TỔ CHỨC, ĐIỀU HÀNH GIẢI ĐẤU

Điều 34. Ban Tổ chức giải

1. Ban Tổ chức giải do Đơn vị tổ chức giải thành lập bao gồm: đại diện các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm đảm bảo về công tác chuyên môn, công tác an ninh, trật tự, công tác y tế, công tác tài chính - tài trợ, tư cách cầu thủ, công tác tuyên truyền và các công tác cần thiết khác.

2. Ban Tổ chức giải có trách nhiệm điều hành công tác tổ chức các giải bóng đá chuyên nghiệp theo Quy chế này, Điều lệ giải và Luật thi đấu Bóng đá; chịu trách nhiệm trước LĐBĐVN, Đơn vị tổ chức giải về kết quả của giải.

3. Các quyết định của Ban Tổ chức giải được thể hiện dưới hình thức Thông báo gửi tới các thành phần tham gia giải và các thành phần tham gia giải có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc các quyết định của Ban Tổ chức giải.

Điều 35. Nhiệm vụ của Ban Tổ chức giải

1. Trưởng Ban Tổ chức giải có trách nhiệm và quyền hạn cao nhất trong việc chỉ đạo, điều hành Ban Tổ chức giải thực hiện nhiệm vụ được giao.

2. Trưởng Ban Tổ chức giải chịu trách nhiệm phân công từng thành viên Ban Tổ chức giải phụ trách từng mảng công việc cụ thể.

3. Phổ biến Điều lệ giải và các Thông báo chính thức của Đơn vị tổ chức giải, Ban Tổ chức giải cho các câu lạc bộ, đội bóng tham gia giải bằng văn bản chính thức và qua địa chỉ thư điện tử (Email) của Đơn vị tổ chức giải để các câu lạc bộ, đội bóng thực hiện.

4. Ban hành các Thông báo theo quy định về công tác tổ chức trận đấu; chế độ báo cáo của giám sát trận đấu, giám sát trọng tài và trọng tài.

5. Tổ chức khảo sát, đánh giá cơ sở vật chất câu lạc bộ tham dự giải bóng đá chuyên nghiệp trước ngày khai mạc giải ít nhất 45 (bốn mươi lăm) ngày. Căn cứ kết quả khảo sát, đánh giá sân thi đấu, đơn vị tổ chức giải sẽ quyết định việc đủ điều kiện tổ chức thi đấu tại sân vận động của câu lạc bộ liên quan. Trường

hợp không đủ điều kiện phải thông báo cho câu lạc bộ có sân không đủ điều kiện ít nhất 30 (ba mươi) ngày trước khi trận đấu đầu tiên diễn ra trên sân theo lịch thi đấu.

6. Tổ chức việc lấy mẫu và xét nghiệm nhằm phát hiện và phòng tránh việc sử dụng chất kích thích, chất gây nghiện.

Tại một số trận đấu, công tác lấy mẫu để xét nghiệm phát hiện chất kích thích (doping) có thể được tiến hành ngay sau khi kết thúc trận đấu. Quy trình kiểm tra doping thực hiện theo quy định của FIFA, AFC.

7. Căn cứ vào danh sách giám sát được LĐBĐVN công nhận hàng năm, Ban Tổ chức giải đề xuất phân công và đánh giá công tác của giám sát trận đấu.

8. Tiếp nhận, tổng hợp và xử lý các thông tin, báo cáo từ các giám sát sau mỗi trận đấu; đánh giá và kiến nghị các ban chức năng LĐBĐVN xử lý các vi phạm của các thành viên tham gia giải đấu

9. Thực hiện công tác truyền thông cho các giải bóng đá chuyên nghiệp.

10. Tổ chức các cuộc họp, họp tổng kết giải.

11. Cấp thẻ thi đấu và làm nhiệm vụ cho: Cầu thủ, huấn luyện viên, cán bộ, quan chức của đội bóng; phóng viên, các thành viên của Ban Tổ chức giải.

12. Quy định về hồ sơ kiến nghị xử lý vi phạm của các thành viên tham dự giải:

a) Khi có vi phạm, Ban Tổ chức giải tổng hợp hồ sơ, tài liệu liên quan để xem xét, giải quyết những vấn đề thuộc thẩm quyền và thông báo bằng văn bản cho câu lạc bộ, đội bóng. Nếu vi phạm của các thành viên tham dự giải không thuộc thẩm quyền, ban tổ chức tổng hợp hồ sơ, tài liệu liên quan đến sự việc và kiến nghị ban kỷ luật LĐBĐVN xem xét xử lý.

b) Ban Tổ chức giải có thể yêu cầu các thành viên liên quan có mặt để giải trình, cung cấp thông tin hoàn thiện hồ sơ vụ việc báo cáo Ban Kỷ luật xử lý. Ban Tổ chức giải không chịu chi phí ăn ở, di chuyển cho các thành viên được triệu tập, trừ khi có quyết định khác.

13. Thành viên Ban Tổ chức giải không được phép tiết lộ tin tức hoặc phát biểu mang tính cá nhân nhận định về vụ việc vi phạm của tất cả các thành viên tham dự giải hoặc trận đấu.

Điều 36. Đăng ký đội bóng tham gia giải quốc gia

1. Câu lạc bộ phải đăng ký đội bóng của câu lạc bộ tham gia các giải bóng đá chuyên nghiệp do Đơn vị tổ chức giải tổ chức nếu đội bóng thuộc thành phần phải tham gia và chỉ được quyền đăng ký tham gia một đội ở mỗi giải.

2. Một doanh nghiệp nếu là nhà tài trợ chính của giải thì câu lạc bộ, đội bóng do doanh nghiệp đó quản lý không được tham dự giải đấu đó.

3. Câu lạc bộ đào tạo và đăng ký các đội bóng U21, U19, U17, U15, U13, U11, U9 tham gia các giải bóng đá trẻ quốc gia ở cùng độ tuổi, cụ thể:

a) Câu lạc bộ Ngoại hạng phải đào tạo tối thiểu 04 (bốn) đội trẻ, gồm: Tối thiểu 02 (hai) đội ở độ tuổi khác nhau từ U15 đến U21; tối thiểu 01 (một) đội thuộc độ tuổi U11 hoặc U13 và 01 (một) đội U9.

Trong số 04 (bốn) đội trẻ đào tạo, phải có tối thiểu 03 (ba) đội trẻ tham dự các giải quốc gia, gồm: Tối thiểu 02 (hai) đội ở độ tuổi khác nhau từ U15 đến U21 và tối thiểu 01 (một) đội thuộc độ tuổi U11 hoặc U13 tham dự giải.

b) Câu lạc bộ hạng Nhất phải có tối thiểu 03 (ba) đội bóng trẻ tham dự giải, trong đó bắt buộc phải có tối thiểu 02 (hai) đội ở độ tuổi khác nhau từ U15 đến U21 và tối thiểu 01 (một) đội thuộc độ tuổi U11 hoặc U13 tham dự giải.

4. Nếu không đủ số lượng đội bóng trẻ tham dự giải theo quy định, câu lạc bộ sẽ phải chịu hình thức kỷ luật theo Quy định về kỷ luật của LĐBĐVN.

5. Câu lạc bộ cử đội bóng tham dự giải có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của Quy chế này và các quy định của LĐBĐVN, Đơn vị tổ chức giải, Ban Tổ chức giải và của Điều lệ giải.

6. Câu lạc bộ cử đội bóng tham dự giải có trách nhiệm đóng lệ phí tham dự giải hàng năm theo quy định của đơn vị tổ chức giải. Thời hạn và mức đóng lệ phí được quy định tại Điều lệ giải hàng năm.

Điều 37. Trách nhiệm của câu lạc bộ cử đội bóng tham dự giải quốc gia

1. Đảm bảo đội bóng của câu lạc bộ thi đấu với tinh thần trung thực, cao thượng, tôn trọng các đội bóng khác cùng tham dự giải. Người có hành vi và biểu hiện phi thể thao, trong đó bao gồm việc không tôn trọng quyết định của trọng tài, không tôn trọng đối phương, không tôn trọng khán giả, sử dụng bạo lực, tiểu xảo, cô tình thi đấu dưới khả năng thực tế hoặc tạo thuận lợi cho đối phương giành thắng lợi sẽ bị xử lý theo quy định của Luật thi đấu Bóng đá và các quy định có liên quan của LĐBĐVN. Lãnh đạo, ban huấn luyện câu lạc bộ, đội bóng có trách nhiệm giáo dục, khuyến khích tinh thần thể thao cao thượng trong câu lạc bộ, đội bóng mình và ở các trận đấu, giải đấu mà câu lạc bộ, đội bóng tham gia.

2. Câu lạc bộ chủ nhà chịu trách nhiệm hoàn toàn về công tác đảm bảo an ninh, an toàn cho tất cả các thành phần tham dự trận đấu, đảm bảo trận đấu diễn ra đúng thời gian, đúng các quy định của Luật thi đấu Bóng đá, các quy định của Đơn vị tổ chức giải và LĐBĐVN. Câu lạc bộ khách phải có người phụ trách hội cổ động viên đi cùng với đội bóng trong các trận đấu để phối hợp với câu lạc bộ chủ nhà trong việc thực hiện các quy định của Ban Tổ chức giải và Ban tổ chức trận đấu.

3. Câu lạc bộ đạt đủ điều kiện đại diện quốc gia tham gia các giải vô địch bóng đá quốc tế dành cho các câu lạc bộ có nghĩa vụ tham gia giải quốc tế đó theo quy định của Điều lệ giải mà câu lạc bộ tham gia.

4. Câu lạc bộ muốn tổ chức hoặc tham gia các giải bóng đá ngoài hệ thống các giải bóng đá quốc gia thuộc quản lý của LĐBĐVN phải được sự đồng ý bằng văn bản của LĐBĐVN.

5. Khi tham dự giải, các thành viên của câu lạc bộ không được có hành vi, lời nói xâm phạm đến uy tín, danh dự của câu lạc bộ mình; uy tín, danh dự của câu lạc bộ khác; uy tín và danh tiếng của Đơn vị tổ chức giải, LĐBĐVN và các cá nhân đang làm nhiệm vụ cho Đơn vị tổ chức giải (như cán bộ, giám sát, trọng tài...).

6. Câu lạc bộ, đội bóng phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Ban Tổ chức giải về hành vi vi phạm của những người phục vụ đi theo đội bóng (lái xe, bác sỹ...).

7. Trong trường hợp thành viên câu lạc bộ có hành vi vi phạm các quy định, dẫn đến thiệt hại về vật chất, tinh thần, danh dự, uy tín cho Đơn vị tổ chức giải, LDBĐVN và các tổ chức, cá nhân tham gia giải đấu, trận đấu thì câu lạc bộ sẽ bị xử lý kỷ luật và phải bồi thường cho những chủ thể có quyền lợi bị xâm hại theo các quy định hiện hành.

8. Câu lạc bộ, các thành viên của câu lạc bộ và những người có liên quan đến câu lạc bộ không được dùng tiền, tài sản, lợi ích vật chất dưới mọi hình thức, hứa hẹn lợi ích hoặc có hành vi trái quy định tác động đến các thành viên Ban Tổ chức giải, người có chức vụ, quyền hạn, huấn luyện viên, cầu thủ của đội bóng đối phương và các thành viên khác tham gia giải.

9. Câu lạc bộ, đội bóng và các thành viên của câu lạc bộ, đội bóng không được tham gia đánh bạc, tổ chức đánh bạc liên quan đến bóng đá (cá cược, cá độ, bán độ, dàn xếp tỷ số,...) dưới bất kỳ hình thức nào (kể cả cá cược hợp pháp).

Điều 38. Giai đoạn đăng ký

1. Cầu thủ chỉ có thể được đăng ký ở một trong hai giai đoạn đăng ký hàng năm do LDBĐVN ấn định và được quy định cụ thể tại Điều lệ giải hàng năm. Giai đoạn này (thường) trùng với giai đoạn xin cấp ITC đã được LDBĐVN đăng ký trên hệ thống chuyên nhượng quốc tế (FIFA TMS).

a) Giai đoạn đăng ký thứ nhất không quá 12 (mười hai) tuần và bắt đầu sau khi kết thúc mùa giải vừa qua và (thường) chấm dứt trước khi bắt đầu mùa giải mới.

b) Giai đoạn đăng ký thứ hai không quá 04 (bốn) tuần và (thường) diễn ra vào giữa mùa giải.

2. Trường hợp ngoại lệ, cầu thủ chuyên nghiệp có hợp đồng hết hạn trước khi kết thúc một giai đoạn đăng ký có thể được đăng ký ngoài giai đoạn đăng ký khi câu lạc bộ gửi đơn đề nghị LDBĐVN xem xét, giải quyết.

Điều 39. Trình tự, thủ tục đăng ký tham dự giải

1. Các giai đoạn đăng ký tham dự giải

a) Giai đoạn đăng ký thứ nhất:

Trước ngày khai mạc giải tối thiểu 14 (mười bốn) ngày (không bao gồm ngày lễ, tết), câu lạc bộ tham dự giải phải đăng ký danh sách quan chức, huấn luyện và cầu thủ theo quy định của Điều lệ giải. Trường hợp câu lạc bộ đăng ký không đúng quy định thì coi như câu lạc bộ đã rút khỏi giải đấu.

Trước lượt trận thứ ba của giải Vô địch quốc gia, câu lạc bộ được thay thế tối đa 03 (ba) cầu thủ nước ngoài nếu có đầy đủ hồ sơ nêu tại điểm b khoản 6 Điều này.

b) Giai đoạn đăng ký thứ hai: Câu lạc bộ được thay thế, bổ sung cầu thủ theo quy định của Điều lệ giải.

Kể từ ngày đầu tiên của giai đoạn đăng ký thứ hai, các cầu thủ đã đủ điều kiện thay thế, bổ sung được thi đấu ngay sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký.

2. Trường hợp đặc biệt, thay thế đối với thủ môn có thể được thực hiện ngoài hai giai đoạn đăng ký nói trên khi thủ môn không đủ khả năng thi đấu do ốm đau, tai nạn, chấn thương và phải được sự đồng ý của LDBĐVN. LDBĐVN có quyền yêu cầu câu lạc bộ cung cấp hồ sơ sức khỏe của thủ môn đó để xem xét và trong trường hợp cần thiết, bác sĩ sẽ do LDBĐVN chỉ định.

3. Số lượng cầu thủ nước ngoài đăng ký tại các giải theo quyết định của Ban Chấp hành LĐBĐVN, cụ thể như sau:

Câu lạc bộ	Đăng ký tham dự giải (tối đa)	Đăng ký trước trận đấu (tối đa)	Sử dụng trên sân (tối đa)
Câu lạc bộ tham dự Giải đấu cấp câu lạc bộ của AFC, AFF	3 + 1* Cầu thủ	3 Cầu thủ/trận	3 Cầu thủ
Câu lạc bộ tham dự giải Vô địch quốc gia	3 Cầu thủ	3 Cầu thủ/trận	3 Cầu thủ
Câu lạc bộ tham dự giải Vô địch quốc gia, Cúp Quốc gia và hạng Nhất quốc gia	1 Cầu thủ nước ngoài gốc Việt Nam	1 Cầu thủ nước ngoài gốc Việt Nam	1 Cầu thủ nước ngoài gốc Việt Nam
Câu lạc bộ tham dự giải: - Cúp Quốc gia; - Trận Siêu Cúp Quốc gia; - Trận Play-off (nếu có).	<p>- Nếu trận đấu giữa 02 (hai) đội Ngoại hạng hoặc 02 (hai) đội hạng Nhất thì thực hiện theo quy định đối với cầu thủ tại Giải Vô địch quốc gia (đối với hai đội Ngoại hạng) hoặc Giải hạng Nhất quốc gia (đối với hai đội hạng Nhất).</p> <p>- Nếu trận đấu giữa 02 (hai) đội khác hạng (01 (một) đội Ngoại hạng và 01 (một) đội hạng Nhất) thì thực hiện theo quy định đối với cầu thủ tại giải hạng Nhất quốc gia.</p>		
Ghi chú: 1* là cầu thủ nước ngoài có quốc tịch thuộc Liên đoàn thành viên của AFC			

4. Số lượng cầu thủ Việt Nam gốc nước ngoài đăng ký tại các giải theo quy định của Điều lệ giải.

5. Số lượng cầu thủ chuyên nghiệp đăng ký tại các giải bóng đá chuyên nghiệp tối thiểu là 18 (mười tám) cầu thủ/câu lạc bộ.

6. Hồ sơ:

a) Hồ sơ quan chức, huấn luyện viên:

- Bản đăng ký theo mẫu của LĐBĐVN, dán ảnh (cỡ 4 x 6) mới nhất của quan chức, huấn luyện viên (đóng dấu ráp lại của câu lạc bộ), có chữ ký của quan chức, huấn luyện viên và được người có thẩm quyền của câu lạc bộ ký và đóng dấu xác nhận;

- Hợp đồng lao động giữa câu lạc bộ và huấn luyện viên cùng các phụ lục đính kèm (nếu có) và quyết định bổ nhiệm đối với các quan chức;

- Bản sao hợp đồng chuyển nhượng hoặc cho mượn được ký giữa câu lạc bộ mới, câu lạc bộ hiện thời và huấn luyện viên (trường hợp chuyển nhượng hoặc cho mượn);

- Bản sao Biên bản thanh lý hợp đồng hoặc hợp đồng đã hết hạn giữa huấn luyện viên với câu lạc bộ trước đây (trường hợp chuyển đến từ câu lạc bộ khác);

- Bản sao Giấy phép lao động do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp đối với quan chức, huấn luyện viên là người nước ngoài;

- Bản sao giấy chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân và hộ chiếu của từng quan chức, huấn luyện viên còn thời hạn ít nhất 01 (một) năm;

- Bản sao bằng cấp huấn luyện viên theo quy định tại Quy chế này.

- Bản sao bằng cấp, chứng chỉ đối với chức danh sau:

+ Giám đốc kỹ thuật: Tối thiểu bằng A AFC hoặc giấy xác nhận chứng minh năng lực, kinh nghiệm làm việc hoặc thi đấu ở các câu lạc bộ bóng đá chuyên nghiệp;

+ Cán bộ truyền thông: Bằng cấp chứng chỉ về truyền thông hoặc văn bản chứng minh kinh nghiệm liên quan;

+ Bác sĩ đội bóng: Bằng cấp y tế liên quan;

+ Nhân viên vật lý trị liệu: Chứng chỉ xoa bóp trị liệu;

+ Nhân viên an ninh: Chứng chỉ an ninh liên quan;

+ Phiên dịch: Bằng cấp hoặc chứng chỉ ngoại ngữ.

b) Hồ sơ cầu thủ:

- Bản đăng ký theo mẫu của LĐBĐVN, dán ảnh (cỡ 4 x 6) mới nhất của cầu thủ (đóng dấu ráp lại của câu lạc bộ); có chữ ký của cầu thủ, chữ ký của người có thẩm quyền của câu lạc bộ và đóng dấu xác nhận của câu lạc bộ;

- Hợp đồng lao động hoặc hợp đồng đào tạo, tập nghề giữa câu lạc bộ và cầu thủ cùng các phụ lục đính kèm (nếu có);

- Bản sao hợp đồng chuyển nhượng hoặc cho mượn được ký giữa câu lạc bộ hiện thời, câu lạc bộ mới và cầu thủ (trường hợp chuyển nhượng hoặc cho mượn);

- Bản sao Biên bản thanh lý hợp đồng hoặc hợp đồng đã hết hạn giữa cầu thủ với câu lạc bộ trước đây (trường hợp chuyển đến từ câu lạc bộ khác);

- Giấy khám sức khỏe của từng cầu thủ (bao gồm cả chụp chiếu lồng ngực) do bệnh viện đa khoa từ cấp quận, huyện hoặc tương đương trở lên xác nhận đủ sức khỏe để tập luyện, thi đấu bóng đá;

- Bản sao giấy chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân và hộ chiếu của từng cầu thủ còn thời hạn ít nhất 01 (một) năm;

- Bản sao giấy tờ có căn cứ pháp lý để xác định cha đẻ, mẹ đẻ, ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại của cầu thủ nước ngoài gốc Việt Nam (người có liên quan trực tiếp với cầu thủ) là người có quốc tịch Việt Nam hoặc đã từng có quốc tịch Việt Nam gồm: Giấy khai sinh, Giấy chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân, hộ chiếu Việt Nam,...;

- Bản sao giấy tờ có căn cứ pháp lý để xác định mối quan hệ huyết thống giữa cầu thủ nước ngoài gốc Việt nam với người có liên quan trực tiếp với cầu thủ;

- Bản sao Giấy phép lao động do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp đối với cầu thủ nước ngoài.

- Giấy chứng nhận chuyên nhượng quốc tế (ITC) đối với cầu thủ đã được đăng ký với LDBĐQG khác trước khi đăng ký với LDBĐVN. Thủ tục cấp ITC được quy định tại Quy chế về địa vị pháp lý và chuyên nhượng cầu thủ của FIFA.

c) Nơi tiếp nhận hồ sơ:

Hồ sơ đăng ký tham dự giải được câu lạc bộ gửi về các cơ quan sau trước ngày khai mạc giải tối thiểu 14 (mười bốn) ngày (không bao gồm ngày lễ, tết):

- Đơn vị tổ chức giải:

+ Danh sách đăng ký quan chức, huấn luyện viên và cầu thủ;

+ 02 (hai) quyển sổ đăng ký theo mẫu của LDBĐVN có chữ ký của từng cầu thủ và được lãnh đạo câu lạc bộ xác nhận;

+ Đăng ký sân thi đấu, địa chỉ liên lạc và địa chỉ Email của câu lạc bộ (không chấp nhận địa chỉ cá nhân);

+ 02 (hai) ảnh màu cỡ 12x18 chụp toàn đội mặc trang phục chính và phụ;

+ 02 (hai) ảnh thẻ cá nhân cỡ 4x6 mới nhất của từng cầu thủ, quan chức.

- LDBĐVN:

+ Danh sách đăng ký quan chức, huấn luyện viên và cầu thủ;

+ Hồ sơ quan chức, huấn luyện viên và cầu thủ theo điểm a, điểm b khoản này.

7. Tư cách tham gia hợp lệ của cầu thủ:

a) Tiêu chuẩn cầu thủ:

Cầu thủ được quyền đăng ký thi đấu các giải bóng đá chuyên nghiệp do Đơn vị tổ chức giải tổ chức khi có đủ các điều kiện sau đây:

- Tính đến ngày khai mạc giải hoặc trận đấu đầu tiên của giai đoạn đăng ký thứ hai: Cầu thủ đã đủ 16 tuổi tính theo ngày sinh;

- Là cầu thủ có quốc tịch Việt Nam hoặc cầu thủ có quốc tịch nước ngoài;

- Là cầu thủ chuyên nghiệp hoặc cầu thủ nghiệp dư;

- Không trong thời gian bị đình chỉ, cấm thi đấu theo quyết định kỷ luật của LDBĐVN. Đối với cầu thủ đang trong thời gian bị đình chỉ, cấm thi đấu theo quyết định kỷ luật của LDBĐVN có thể được câu lạc bộ đăng ký tham dự giải, tuy nhiên, cầu thủ này chỉ được thi đấu khi đã hết hạn kỷ luật;

- Được câu lạc bộ đưa vào danh sách đăng ký thi đấu theo quy định của Quy chế này, Điều lệ giải có liên quan và được LDBĐVN xác nhận tư cách thi đấu;

- Cầu thủ đăng ký hợp lệ sẽ được cấp thẻ thi đấu có dán ảnh, tên cầu thủ, ngày tháng năm sinh của cầu thủ, số áo đăng ký, có chữ ký xác nhận của Ban Tổ chức giải.

b) Trong bất kỳ trường hợp nào, nếu câu lạc bộ sử dụng cầu thủ không đủ tư cách tham gia thi đấu thì câu lạc bộ và cầu thủ đó sẽ bị xử lý theo Quy định về kỷ luật của LDBĐVN.

8. Nguyên tắc đăng ký cầu thủ:

a) Cầu thủ phải được đăng ký với Đơn vị tổ chức giải để thi đấu cho một câu lạc bộ với tư cách cầu thủ chuyên nghiệp hoặc cầu thủ nghiệp dư. Chỉ những cầu thủ đã đăng ký mới có quyền tham dự vào các giải bóng đá do Đơn vị tổ chức giải tổ chức. Khi đã đăng ký, cầu thủ phải tuân thủ Điều lệ và các quy định của FIFA, AFC, LĐBĐVN và Đơn vị tổ chức giải.

b) Tại một thời điểm cầu thủ chỉ được đăng ký cho một câu lạc bộ.

c) Cầu thủ có thể được đăng ký tối đa cho 03 (ba) câu lạc bộ trong một mùa giải. Trong khoảng thời gian này, cầu thủ chỉ được thi đấu các trận đấu chính thức cho 02 (hai) câu lạc bộ.

Một ngoại lệ đối với quy định này: Một cầu thủ được chuyển nhượng giữa hai câu lạc bộ thuộc các LĐBĐQG có thời gian mùa giải gối nhau (ví dụ Liên đoàn này bắt đầu mùa giải vào mùa hè/thu và Liên đoàn kia bắt đầu mùa giải vào mùa đông/xuân) thì cầu thủ có thể đăng ký thi đấu các trận đấu chính thức cho câu lạc bộ thứ ba trong mùa giải phù hợp, với điều kiện cầu thủ đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ hợp đồng với các câu lạc bộ trước đó.

Trong các khoảng thời gian sau đây, cầu thủ có thể được đăng ký tối đa cho 03 (ba) câu lạc bộ và được thi đấu các trận đấu chính thức cho 03 (ba) câu lạc bộ trong một mùa giải:

- Đối với LĐBĐQG theo lịch kép: Mùa giải: 2023/2024, 2024/2025,...;

- Đối với LĐBĐQG theo lịch đơn: Mùa giải 2023, 2024,...

d) Trong mọi trường hợp, tính liên chính thể thao của giải đấu phải được đảm bảo, cầu thủ chỉ được thi đấu các trận đấu chính thức cho 02 (hai) câu lạc bộ cùng thi đấu giải Vô địch quốc gia hoặc giải hạng Nhất quốc gia hoặc giải Cúp quốc gia trong một mùa giải.

đ) Cầu thủ bị câu lạc bộ chấm dứt hợp đồng trước thời hạn do vi phạm hợp đồng chỉ được phép đăng ký với câu lạc bộ khác sau khi đã chấp hành đầy đủ nghĩa vụ đối với câu lạc bộ trước đây.

e) Câu lạc bộ đảm bảo số lượng cầu thủ theo quy định sau khi thay thế, bổ sung cầu thủ trong danh sách đăng ký.

9. Đăng ký cầu thủ nhập tịch

a) Câu lạc bộ có thể đăng ký cầu thủ nước ngoài đang chờ nhập quốc tịch Việt Nam với tư cách là cầu thủ Việt Nam, cầu thủ này chỉ được thi đấu khi đã có quyết định nhập quốc tịch Việt Nam của cơ quan có thẩm quyền và phải đảm bảo về thời gian theo quy định tại điểm b khoản này.

b) Quy định về thời điểm được sử dụng cầu thủ nhập quốc tịch Việt Nam: Khi quyết định của cơ quan có thẩm quyền cho phép cầu thủ được nhập quốc tịch Việt Nam được gửi đến LĐBĐVN trong thời điểm trước khi kết thúc cuộc họp kỹ thuật tại trước ngày diễn ra trận đấu, cầu thủ này sẽ được thi đấu theo quốc tịch Việt Nam kể từ trận đấu đó. Nếu quyết định của cơ quan có thẩm quyền được gửi đến LĐBĐVN sau thời điểm nói trên, cầu thủ chỉ được thi đấu kể từ trận đấu kế tiếp.

c) Cầu thủ không được thay đổi quốc tịch đã đăng ký trong thời gian diễn ra giải đấu.

10. Đăng ký của một cầu thủ mất hiệu lực khi có văn bản đề nghị hủy bỏ của câu lạc bộ và được LĐBĐVN đồng ý, nếu sau thời hạn đăng ký thì câu lạc bộ không được bổ sung hoặc thay thế cầu thủ khác.

Điều 40. Đăng ký trước trận đấu, sử dụng và thay thế cầu thủ trong trận đấu

1. Chậm nhất trước khi trận đấu bắt đầu 75 (bảy mươi lăm) phút, huấn luyện viên trưởng của đội bóng phải hoàn thiện đăng ký danh sách 11 (mười một) cầu thủ chính thức, tối đa 09 (chín) cầu thủ dự bị và danh sách thành viên làm nhiệm vụ trong khu vực kỹ thuật với giám sát trận đấu. Danh sách ghi rõ họ tên đầy đủ; số áo của cầu thủ, màu trang phục của đội bóng và những thông tin khác theo yêu cầu của Ban Tổ chức giải.

Trong danh sách đăng ký 11 (mười một) cầu thủ chính thức và tối đa 09 (chín) cầu thủ dự bị, phải có tối thiểu 03 (ba) cầu thủ có quốc tịch Việt Nam đảm bảo đủ tuổi thi đấu SEA Games gần nhất theo thông báo của Đơn vị tổ chức giải tại mỗi mùa giải.

2. Ngay trước khi trận đấu bắt đầu, nếu có thay đổi cầu thủ chính thức hoặc dự bị, huấn luyện viên trưởng đội bóng phải thông báo ngay cho giám sát trận đấu và trọng tài chính.

3. Trong mỗi trận đấu, việc thay thế cầu thủ được thực hiện theo quy định của Luật thi đấu và Điều lệ giải.

4. Khi thay người, cầu thủ dự bị phải mang thẻ thi đấu đến trình cho trọng tài thứ tư. Nếu không có thẻ, cầu thủ đó coi như không hợp lệ và không được quyền thi đấu. Cầu thủ đã thay ra không được phép trở lại sân thi đấu.

5. Cầu thủ không đủ tư cách thi đấu:

a) Chưa đủ 16 tuổi tính theo ngày sinh (như quy định tại điểm a khoản 7 Điều 39 Quy chế này);

b) Cầu thủ không đăng ký với Ban Tổ chức giải hoặc chưa hoàn thành thủ tục đăng ký;

c) Cầu thủ đang trong thời gian bị đình chỉ, cấm thi đấu theo quyết định kỷ luật của LĐBĐVN.

Điều 41. Đăng ký trang phục

1. Trang phục cầu thủ:

a) Một bộ trang phục cầu thủ đầy đủ gồm áo, quần, tất, bọc ống quyển, giày; Câu lạc bộ đăng ký một bộ trang phục thi đấu chính và tối thiểu một bộ trang phục phụ; Màu sắc của trang phục chính phải hoàn toàn khác trang phục phụ;

b) Trong một trận đấu, hai đội sẽ mặc bộ trang phục chính đã đăng ký với Ban Tổ chức giải nếu có sự trùng hợp về màu sắc trang phục thì đội khách mặc bộ trang phục phụ (đội đứng tên trước trong lịch thi đấu sẽ được quyền ưu tiên lựa chọn trang phục chính). Đội bóng phải mang đầy đủ trang phục chính và trang phục phụ tới sân thi đấu.

Trường hợp màu áo chính của đội khách trùng với màu áo thủ môn của đội chủ nhà thì đội chủ nhà phải thay áo thủ môn khác màu. Tất cả những người phục vụ trong trận đấu phải mặc áo khác màu với màu của hai đội bóng và trọng

tài. Khi có sự không thống nhất về màu trang phục thì giám sát trận đấu là người quyết định cuối cùng;

c) Trang phục cầu thủ phải in tên cầu thủ và số áo cầu thủ. Việc in tên và số áo cầu thủ phải sử dụng kiểu chữ và số thông dụng, dễ đọc; có màu sắc tương phản với màu sắc của trang phục. Trên lưng áo, tên cầu thủ có chiều cao tối đa 7,5 cm, số áo cầu thủ có chiều cao từ 25 cm đến 35 cm. Số trên quần cầu thủ (giống số áo) đặt ở phía trước, bên phải, có chiều cao 07 cm. Trang phục thủ môn phải in số;

d) Nếu cầu thủ mặc trang phục khác ở bên trong trang phục thi đấu, hoặc có băng chân thì băng chân và phần trang phục ở bên trong hở ra ngoài trang phục thi đấu phải cùng màu với áo, quần, tất mà cầu thủ đang sử dụng.

đ) Mỗi đội bóng chỉ được đăng ký số áo cầu thủ từ 1 đến 99 khi đăng ký danh sách thi đấu. Cầu thủ mới bổ sung hoặc thay thế ở giai đoạn II phải mang số áo khác với các số áo đã đăng ký ở giai đoạn I;

e) Biểu trưng của giải được gắn trên áo cầu thủ, đảm bảo kích thước, vị trí được quy định tại Điều lệ giải. Thương hiệu quảng cáo nhà tài trợ chính của câu lạc bộ kích thước không quá 350cm². Nhãn hiệu của hãng sản xuất quần áo (kích thước không quá 25cm², huy hiệu hoặc biểu trưng của câu lạc bộ kích thước không quá 100cm². Các thương hiệu quảng cáo, biểu trưng của câu lạc bộ phải gắn ở đúng vị trí quy định trên áo tại Điều lệ giải.

2. Thành viên câu lạc bộ có mặt trong khu vực kỹ thuật không được mặc trang phục và mang các trang thiết bị quảng cáo cạnh tranh với hãng tài trợ của giải do Đơn vị tổ chức giải quy định; trang phục có những hình ảnh, câu chữ khiếm nhã, thô tục hay có nội dung xâm phạm danh dự, uy tín của câu lạc bộ khác hoặc Đơn vị tổ chức giải, LDBĐVN.

3. Cầu thủ mặc trang phục không đúng với quy định của luật thi đấu không được thi đấu cho đến khi đảm bảo các quy định về trang phục.

Điều 42. Giám sát trận đấu

1. Giám sát trận đấu là đại diện chính thức của LDBĐVN, Ban Tổ chức giải tại trận đấu, trực tiếp giải quyết các vấn đề có liên quan đến trận đấu, giám sát việc thi hành Luật thi đấu Bóng đá, Quy chế này và Điều lệ giải của các thành viên tham gia trận đấu.

2. Giám sát trận đấu có trách nhiệm:

a) Chấp hành nghiêm túc các quy định, Quy chế này, Điều lệ giải, Quy chế tổ chức và hoạt động của Giám sát;

b) Có mặt tại địa điểm tập trung ít nhất vào 12 giờ (mười hai giờ) của 02 (hai) ngày trước ngày diễn ra trận đấu, khi đến địa phương tổ chức trận đấu phải thông báo sự có mặt của mình cho câu lạc bộ chủ nhà; tìm hiểu và kịp thời giải quyết những khiếu nại liên quan đến điều kiện tập luyện, sinh hoạt của đội khách (nếu có);

c) Thực hiện các nội dung công việc theo phân bổ thời gian công tác theo lịch trình quy định.

3. Nhiệm vụ cụ thể và phân bổ thời gian công tác của giám sát trận đấu:

a) Hai ngày trước trận đấu:

- Có mặt tại địa phương;
- Làm việc với 02 (hai) câu lạc bộ, Ban Tổ chức trận đấu, điều phối viên;
- Làm việc với 02 (hai) câu lạc bộ;
- Xác định lịch tập của đội khách;
- Kiểm tra sân thi đấu và các hạng mục theo quy định;
- Gửi các biên bản theo mẫu về Ban Tổ chức giải theo địa chỉ Email được quy định.

b) Một ngày trước trận đấu:

- Họp kỹ thuật;
- Kiểm tra và quán xuyên việc tập luyện của 02 (hai) câu lạc bộ tại buổi tập chính thức;
- Kiểm tra sân thi đấu và các hạng mục theo quy định;
- Họp với giám sát trọng tài và tổ trọng tài;
- Gửi các biên bản theo mẫu về Ban Tổ chức giải;

c) Ngày diễn ra trận đấu:

- Trước trận đấu: Thực hiện theo phân bổ thời gian đếm ngược trước trận đấu;
- Kiểm tra trang phục thi đấu của các đội bóng, trang phục của trọng tài và người nhật bóng; đảm bảo không có sự trùng lặp về màu sắc trang phục;
- Kiểm tra việc thực hiện các quy định về quảng cáo, can thiệp kịp thời và báo cáo đầy đủ về Ban Tổ chức giải khi có sự vi phạm;
- Quan sát và ghi nhận, báo cáo một cách đầy đủ, trung thực, khách quan diễn biến trước, trong và sau trận đấu;
- Chỉ được rời khỏi sân thi đấu khi các đội bóng, tổ trọng tài, khán giả đã ra về an toàn;
- Ngay sau trận đấu, báo cáo kết quả cho lãnh đạo LĐBĐVN, Ban Tổ chức giải; Trường hợp có sự cố, phải báo cáo ngay tới Trưởng Ban Tổ chức giải;
- Gửi báo cáo cho LĐBĐVN và Ban Tổ chức giải theo thời gian quy định và nộp đủ hồ sơ trận đấu gồm: Thẻ nhớ ghi hình, biên bản trận đấu, bảng chấm điểm phong cách, báo cáo hoặc khiếu nại (nếu có) cho Ban Tổ chức giải. Trong trường hợp trận đấu có vấn đề nghiêm trọng, bất thường, phải báo cáo chi tiết ghi nhận đầy đủ toàn bộ diễn biến của sự việc và nêu rõ chính kiến của mình;
- Tiếp nhận những khiếu nại đúng quy định. Khi tiếp nhận khiếu nại, không được phép đưa ra quan điểm, nhận xét của cá nhân về những nội dung khiếu nại liên quan. Không được phép xem lại băng ghi hình kỹ thuật tại sân thi đấu;
- Kiểm tra việc phỏng vấn nhanh và tổ chức họp báo sau trận đấu;
- Không được phép trả lời báo chí về các vi phạm (nếu có) của tất cả các thành viên tham gia trận đấu.

d) Tùy thuộc vào tính chất của từng giải đấu/ trận đấu, Đơn vị tổ chức giải sẽ ban hành phân bổ thời gian công tác cho giám sát trận đấu và phải đảm bảo

thực hiện đầy đủ các nội dung công việc như được quy định tại các khoản a, b, c khoản 3 Điều này.

Điều 43. Giám sát Trọng tài

1. Giám sát trọng tài là người giám sát việc thực thi Luật thi đấu của trọng tài khi điều hành trận đấu, do LĐBĐVN tuyển chọn, đào tạo và quản lý.

2. Giám sát trọng tài có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn, rút kinh nghiệm công tác chuyên môn, thực thi đúng Luật thi đấu trong điều hành trận đấu của trọng tài.

b) Chấp hành nghiêm túc các quy định của LĐBĐVN, Điều lệ giải và Đơn vị tổ chức giải.

c) Có mặt tại địa phương tổ chức trận đấu, sân thi đấu; đảm bảo chương trình hoạt động trận đấu theo thời gian quy định.

d) Quản lý, xây dựng và thực hiện chương trình hoạt động của tổ trọng tài trong thời gian lưu trú tại địa phương có trận đấu.

đ) Sau trận đấu, hoàn tất các báo cáo theo quy định. Trường hợp trận đấu có sự cố hay những diễn biến đặc biệt về công tác trọng tài, giám sát trọng tài có trách nhiệm kịp thời báo cáo chi tiết với Ban Tổ chức giải và Ban Trọng tài.

Điều 44. Trọng tài

1. Trọng tài là người kiểm soát và điều hành mọi diễn biến của trận đấu theo Luật thi đấu do LĐBĐVN tuyển chọn, đào tạo và quản lý.

2. Trọng tài điều hành các trận đấu có trách nhiệm:

a) Thực thi đúng nhiệm vụ, chức trách theo quy định của Luật thi đấu.

b) Chấp hành nghiêm túc các quy định của Luật thi đấu, Quy chế này, Điều lệ giải, Quy chế tổ chức và hoạt động của trọng tài Bóng đá Việt Nam.

c) Có mặt tại địa phương tổ chức trận đấu, sân thi đấu; đảm bảo chương trình hoạt động trận đấu theo thời gian quy định.

d) Sau trận đấu, trọng tài làm báo cáo và nộp cho giám sát trọng tài. Nếu có sự việc phát sinh, trọng tài phải báo cáo theo quy định nêu rõ sự việc và những xử lý của mình trong trận đấu. Các trợ lý phải làm báo cáo về các tình huống có liên quan.

Điều 45. Lịch thi đấu

1. Lịch thi đấu được công bố chậm nhất 30 (ba mươi) ngày trước ngày khai mạc các giải bóng đá chuyên nghiệp. Trong trường hợp bất khả kháng, đơn vị tổ chức giải có trách nhiệm báo cáo LĐBĐVN để thống nhất thời điểm công bố lịch thi đấu.

2. Các trận đấu của giải bóng đá chuyên nghiệp phải được tổ chức theo đúng lịch thi đấu đã ban hành.

3. Ngày, giờ thi đấu do Ban Tổ chức giải quyết định. Chỉ có Ban Tổ chức giải mới có quyền thay đổi ngày, giờ thi đấu của giải.

4. Ban Tổ chức giải sẽ chọn một trận đấu và phối hợp với câu lạc bộ để tổ chức lễ khai mạc chính thức của giải.

Mục 2

TỔ CHỨC, ĐIỀU HÀNH TRẬN ĐẤU

Điều 46. Ban Tổ chức trận đấu

1. Câu lạc bộ chủ nhà (hoặc đơn vị đăng cai) có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan chức năng tại địa phương thành lập Ban Tổ chức trận đấu và chịu trách nhiệm hoàn toàn về công tác tổ chức và đảm bảo an, ninh an toàn tại các trận đấu, quản lý sân thi đấu của câu lạc bộ trong các trận đấu của giải.

2. Ban Tổ chức trận đấu phải bao gồm các đại diện như sau: Lãnh đạo câu lạc bộ chủ nhà, chỉ huy lực lượng công an cấp tỉnh, y tế, truyền thông, kiểm soát quân sự và đại diện các cơ quan hữu quan khác nếu cần thiết.

3. Trường hợp Ban Tổ chức trận đấu để xảy ra các vi phạm về công tác tổ chức trận đấu thì câu lạc bộ, đội bóng liên quan phải chịu các hình thức kỷ luật theo Quy định về kỷ luật của LĐBĐVN.

4. Ban Tổ chức trận đấu có trách nhiệm:

a) Chủ trì việc phối hợp với các lực lượng công an, bảo vệ, kiểm soát quân sự, y tế để bảo đảm an ninh, an toàn tuyệt đối cho khán giả, huấn luyện viên, cầu thủ, trọng tài, giám sát và các thành viên của Ban Tổ chức giải trước, trong và sau trận đấu;

b) Quy định khu vực riêng, tách biệt trên khán đài cho cổ động viên của 02 (hai) câu lạc bộ và thông báo với Ban Tổ chức giải;

c) Dự báo số lượng khán giả đến dự khán để xây dựng và triển khai các phương án phù hợp đảm bảo an ninh, an toàn cho trận đấu.

d) Sắp xếp vị trí làm việc trên khán đài trung tâm cho các giám sát đảm bảo thuận lợi cho việc quan sát toàn bộ sân thi đấu, dễ dàng di chuyển xuống sân khi cần thiết;

đ) Bố trí chỗ ngồi trên khán đài ngay sau khu vực kỹ thuật của đội cho những cầu thủ, quan chức không đăng ký trong trận đấu, mỗi đội được bố trí tối đa 15 (mười lăm) chỗ ngồi;

e) Đảm bảo điều kiện và trang thiết bị văn phòng có đường truyền Internet, điện thoại và fax để các giám sát báo cáo về Ban Tổ chức giải;

g) Chuẩn bị các điều kiện cần thiết và thông báo họp chuyên môn trước trận đấu, thời gian do Ban Tổ chức giải quy định. Thành phần dự họp gồm: Các giám sát, trọng tài, đại diện của 02 (hai) đội bóng (Trưởng đoàn và một huấn luyện viên), Trưởng hoặc Phó Ban Tổ chức trận đấu, đại diện công an, cán bộ phụ trách an ninh của câu lạc bộ, y tế;

h) Khi có sự cố nghiêm trọng, theo yêu cầu của giám sát trận đấu, Ban Tổ chức trận đấu có trách nhiệm kịp thời tổ chức cuộc họp với đầy đủ đại diện liên quan, lập biên bản ghi nhận chính kiến của từng thành viên tham dự cuộc họp gửi Ban Tổ chức giải;

i) Công tác ghi hình ở tất cả các giải Vô địch quốc gia, hạng Nhất quốc gia, Cúp quốc gia phải đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật, phải sử dụng thẻ nhớ phải đảm bảo thời gian ghi hình: Từ lúc 02 (hai) đội ra sân cho đến khi tất cả các thành viên tham gia trận đấu (hai đội, các quan chức, khán giả) ra về an toàn;

k) Số lượng máy ghi hình kỹ thuật tại các giải bóng đá chuyên nghiệp: Vô địch quốc gia, hạng Nhất quốc gia, Cúp quốc gia tối thiểu là 06 (sáu) máy ghi hình kỹ thuật số: 02 (hai) máy trên cao khu vực khán đài A, 02 (hai) máy đặt ngang khu vực 16m50 và 02 (hai) máy đặt sau mỗi cầu môn, vị trí đặt máy có độ cao tối thiểu 05 (năm) m so với mặt sân; tất cả các máy đều phải theo kịp các diễn biến hoặc sự cố của trận đấu với góc ghi hình phù hợp và liên tục. Ngay sau khi trận đấu kết thúc, Ban Tổ chức trận đấu phải nộp 06 (sáu) thẻ nhớ cho giám sát trận đấu;

l) Bố trí tối thiểu 02 (hai) vệ sỹ kiểm soát và bảo vệ khu vực phóng viên viết; tối thiểu 06 (sáu) vệ sỹ kiểm soát và bảo vệ khu vực đường chạy trong suốt quá trình diễn ra trận đấu;

m) Tổ chức họp báo sau trận đấu: Sau khi kết thúc trận đấu không quá 10 (mười) phút, việc họp báo sẽ diễn ra tại phòng họp báo. Từng huấn luyện viên trưởng sẽ vào phòng họp báo theo quy tắc: Huấn luyện viên trưởng đội khách họp báo trước.

Nếu Huấn luyện viên trưởng không tham dự họp báo sẽ bị xử lý theo Quy định về kỷ luật của LĐBĐVN, trừ trường hợp bất khả kháng hoặc được sự chấp thuận của LĐBĐVN, Đơn vị tổ chức giải.

n) Bố trí lối đi riêng cho các phóng viên vào phòng họp báo tùy theo thiết kế của từng sân thi đấu (có thể dùng dây để tạo lối đi riêng);

p) Bố trí khu vực thông vắn nhanh cho các phóng viên trên đường các cầu thủ ra xe sau trận đấu;

q) Bố trí tối thiểu: 01 (một) xe cứu hoả và 02 (hai) xe cứu thương thường trực tại sân thi đấu từ thời gian mở cửa sân cho đến khi trận đấu kết thúc và các thành viên tham dự trận đấu, khán giả đã ra về an toàn;

r) Phải bảo đảm bảo có tổ y tế thường trực trước, trong và sau trận đấu. Tổ y tế thường trực bao gồm: Bác sỹ, nhân viên sơ cứu, có ít nhất 08 (tám) nhân viên phục vụ, hai cáng cứu thương, hai xe cấp cứu, một phòng y tế tại sân có đầy đủ thuốc và trang thiết bị sơ cứu. Bác sỹ, nhân viên phục vụ y tế phải mặc đồng phục gọn gàng, đi giày thể thao, chỉ được vào sân khi trọng tài cho phép và phải có thái độ phục vụ nghiêm túc;

s) Có biện pháp cụ thể thống kê chính xác số lượng khán giả đến sân xem trận đấu;

t) Phối hợp với giám sát trận đấu để thực hiện đúng các quy trình về công tác chuẩn bị cho trận đấu;

u) Hỗ trợ công tác kiểm tra doping (nếu có yêu cầu);

v) Bố trí phát thanh viên làm nhiệm vụ tại các trận đấu, đảm bảo thực hiện các nội dung phát thanh do Đơn vị tổ chức giải quy định.

Điều 47. Điều phối viên trận đấu

1. Điều phối viên là đầu mối của Ban Tổ chức trận đấu về công tác tổ chức trận đấu, đã từng tham gia và có hiểu biết về công tác tổ chức thi đấu về Luật thi đấu Bóng đá và Quy chế này; được câu lạc bộ đăng ký bằng văn bản với Đơn vị tổ chức giải và phải tham dự khóa tập huấn đầu mùa giải hoặc khóa đào tạo bổ sung do LĐBĐVN và/hoặc Đơn vị tổ chức giải tổ chức.

2. Câu lạc bộ phải đảm bảo và chịu trách nhiệm về thái độ và hành vi của điều phối viên trong quá trình làm nhiệm vụ.

3. Chức năng và nhiệm vụ:

a) Tham mưu cho lãnh đạo câu lạc bộ và trực tiếp điều hành công tác tổ chức trận đấu;

b) Đại diện câu lạc bộ để phối hợp với các thành viên của giải: Hai đội bóng, giám sát trận đấu, giám sát trọng tài, tổ trọng tài, các bộ phận chức năng của địa phương;

c) Điều phối hoạt động các bộ phận của Ban Tổ chức trận đấu đảm bảo trận đấu tiến hành đúng thời gian, đúng các quy định của Luật thi đấu Bóng đá, Điều lệ giải và Quy chế này.

Điều 48. Cán bộ truyền thông

1. Cán bộ truyền thông là người chịu trách nhiệm về công tác truyền thông của câu lạc bộ, được câu lạc bộ đăng ký bằng văn bản với Đơn vị tổ chức giải theo quy định.

2. Tiêu chuẩn của cán bộ truyền thông:

a) Có bằng hoặc chứng chỉ liên quan đến nghiệp vụ báo chí, hoặc;

b) Có chứng nhận tham dự khóa tập huấn cán bộ truyền thông của LDBĐVN hoặc Đơn vị tổ chức giải.

3. Trách nhiệm:

a) Cán bộ Truyền thông có trách nhiệm phối hợp cùng các hoạt động truyền thông của Đơn vị tổ chức giải (các vấn đề hỗ trợ đài truyền hình bản quyền triển khai máy trước trận đấu, vị trí đậu xe màu, đường điện cho xe màu...; tất cả các hợp báo và phỏng vấn; hướng dẫn hoạt động phóng viên viết, ảnh và truyền hình không bản quyền trước, trong và sau trận đấu cũng như các công việc khác liên quan đến truyền thông);

b) Mỗi câu lạc bộ đăng ký bằng văn bản với đơn vị tổ chức giải 01 (một) cán bộ truyền thông, trước ngày khai mạc giải ít nhất 01 (một) tháng;

c) Các câu lạc bộ tham dự phải có trách nhiệm đảm bảo rằng cán bộ truyền thông tham dự khóa tập huấn đầu mùa giải hoặc khóa đào tạo bổ sung do LDBĐVN và/hoặc Đơn vị tổ chức giải tổ chức.

Điều 49. Cán bộ an ninh

1. Cán bộ an ninh là người phụ trách về công tác an ninh, an toàn trận đấu của Ban Tổ chức trận đấu; được câu lạc bộ đăng ký bằng văn bản với Đơn vị tổ chức giải theo quy định.

2. Tiêu chuẩn cán bộ an ninh:

Cán bộ an ninh phải đáp ứng một trong các yêu cầu tối thiểu sau:

a) Giấy chứng nhận cảnh sát hoặc nhân viên an ninh theo quy định của pháp luật; hoặc

b) Tham dự khóa đào tạo do LDBĐVN và/hoặc cơ quan có thẩm quyền tổ chức; hoặc

c) Giấy chứng nhận năng lực do LDBĐVN cấp.

3. Câu lạc bộ phải đảm bảo và chịu trách nhiệm về thái độ và hành vi của cán bộ an ninh trong quá trình làm nhiệm vụ.

4. Chức năng và nhiệm vụ:

a) Tham mưu cho lãnh đạo câu lạc bộ và trực tiếp điều hành công tác an ninh của câu lạc bộ;

b) Kết nối tất cả các bộ phận trong quá trình tổ chức trận đấu, góp phần đảm bảo trong việc triển khai thực hiện các yêu cầu và nhiệm vụ liên quan đến công tác an ninh của câu lạc bộ, giải đấu.

Điều 50. Cán bộ y tế

1. Cán bộ y tế là người chịu trách nhiệm về công tác tư vấn và hỗ trợ y tế của câu lạc bộ; được câu lạc bộ đăng ký bằng văn bản với Đơn vị tổ chức giải trước ngày khai mạc giải ít nhất 01 (một) tháng và phải có bằng, chứng chỉ trung cấp y do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp và đã hoàn thành khóa học về đào tạo y tế do LDBĐVN tổ chức.

2. Câu lạc bộ phải đảm bảo và chịu trách nhiệm về thái độ và hành vi của cán bộ y tế trong quá trình làm nhiệm vụ.

3. Chức năng và nhiệm vụ:

a) Tham mưu cho lãnh đạo câu lạc bộ và trực tiếp điều hành công tác y tế của câu lạc bộ;

b) Kết nối tất cả các bộ phận trong quá trình tổ chức trận đấu, góp phần đảm bảo trong việc triển khai thực hiện các yêu cầu và nhiệm vụ liên quan đến công tác y tế của câu lạc bộ, giải đấu

Điều 51. Sân vận động

1. Mỗi câu lạc bộ phải đăng ký một sân vận động trong cùng tỉnh/thành phố với văn phòng của câu lạc bộ với Ban Tổ chức giải trong suốt quá trình tiến hành giải. Trường hợp sân vận động không trong cùng tỉnh/thành phố với văn phòng của câu lạc bộ thì câu lạc bộ phải có văn bản nêu rõ lý do gửi LDBĐVN xem xét, quyết định.

2. Sân tổ chức thi đấu phải đảm bảo các điều kiện sau:

a) Kích thước sân theo qui định của Luật thi đấu Bóng đá;

b) Mặt sân cỏ tự nhiên hoặc sân cỏ nhân tạo phải đáp ứng được các quy định về chất lượng của FIFA. Đối với sân cỏ tự nhiên mặt cỏ phải có màu xanh lá cây, cỏ phủ đều, được lu phẳng và mịn, trước ngày thi đấu phải cắt cỏ theo quy định, phải tưới nước lên cỏ trên mặt sân (nếu thời tiết nắng) và phải hoàn thành 03 (ba) tiếng trước giờ bóng lăn;

c) Các đường giới hạn phải đảm bảo quy định của Luật thi đấu;

d) Cầu môn phải đáp ứng đúng quy định của Luật thi đấu, được mắc lưới và được sơn màu trắng; cột giữ lưới phải được sơn màu khác hoàn toàn với màu cầu môn;

đ) Sân phải có hàng rào chắc chắn, cao tối thiểu 02 m ngăn cách khán giả với mặt sân thi đấu. Những khu vực không có hàng rào ngăn cách phải có biện pháp bảo đảm không cho những người không có nhiệm vụ vào mặt sân;

- e) Các lối ra vào sân vận động phải đủ rộng, thông thoáng, đảm bảo để khán giả ra vào được nhanh chóng, thuận lợi và an toàn;
- g) Hàng ghế khán giả gần nhất phải cách các đường biên tối thiểu 05 m;
- h) Toàn bộ khu vực khán đài A và khán đài B của sân vận động phải được lắp đặt ghế ngồi đầy đủ và có mái che;
- i) Khoảng ngồi cho đội bóng trong khu vực kỹ thuật phải được che bằng vật liệu đảm bảo an toàn và có đủ số lượng chỗ ngồi cho quan chức và cầu thủ dự bị theo quy định của Điều lệ giải. Bất kỳ loại hình quảng cáo nào xuất hiện tại khu vực kỹ thuật phải được sự chấp thuận của Đơn vị tổ chức giải, đảm bảo không ảnh hưởng đến công tác chuyên môn;
- k) Câu lạc bộ tham gia giải Vô địch quốc gia phải có hệ thống đèn chiếu sáng tối thiểu 900 (chín trăm) lux, đến năm 2023 tối thiểu là 1.200 (một nghìn hai trăm) lux; nguồn cung cấp điện ổn định và phải có nguồn dự phòng để phục vụ thi đấu;
- l) Có hệ thống phát thanh đảm bảo mọi vị trí trong sân đều nghe rõ;
- m) Phòng thay đồ và nghỉ ngơi của các đội bóng thi đấu phải đảm bảo rộng, thoáng mát, có đủ ghế ngồi và tủ quần áo riêng cho các vận động viên; có bàn, ghế, băng; có giường mát-xa, phòng tắm, phòng vệ sinh, điều hòa nhiệt độ và quạt điện;
- n) Hệ thống phòng cháy chữa cháy phải được trang bị đầy đủ, kiểm tra thường xuyên định kỳ được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và đảm bảo hoạt động hiệu quả khi có sự cố xảy ra;
- o) Phòng giám sát, trọng tài với các trang thiết bị: Trang thiết bị văn phòng, đường truyền Internet, điện thoại và fax; phòng tắm, phòng vệ sinh, tủ đựng quần áo, máy lạnh và quạt điện;
- p) Phòng y tế với đầy đủ các trang thiết bị sơ cấp cứu (first Aid), phòng vệ sinh, máy thu hình, tủ lạnh có nước uống giải khát và có thể dùng làm nơi kiểm tra Doping;
- q) Phòng an ninh: Có hệ thống trang thiết bị để theo dõi mọi diễn biến trên sân và trên khán đài;
- r) Phòng họp báo: Tối thiểu 30 (ba mươi) chỗ ngồi và đầy đủ phương tiện truyền thông. Biểu trưng của LĐBĐVN phải xuất hiện tại cuộc họp báo;
- Phòng họp báo và phòng báo chí hoạt động 02 (hai) tiếng trước trận đấu, cung cấp tín hiệu internet, ổ cắm điện, bàn và ghế làm việc cho phóng viên; bức truyền hình đặt cuối phòng (kích thước phù hợp với diện tích phòng)... Tùy điều kiện của sân vận động, có thể ghép phòng họp báo và phòng báo chí thành một phòng Báo chí;
- Phòng họp báo bố trí một bàn chủ tọa với tối thiểu 02 (hai) ghế và 02 (hai) micro không dây;
- s) Trên các khán đài phải có khu vệ sinh cho khán giả;
3. Những sân chưa đủ điều kiện sẽ không được tổ chức thi đấu giải, cho đến khi đảm bảo được các yêu cầu.

Điều 52. Nhật bóng

1. Ban Tổ chức trận đấu phải bố trí tối thiểu 10 (mười) người nhật bóng được trang bị đồng phục không trùng màu áo với hai đội thi đấu, áo mưa, đi giày thể thao, ghế ngồi thấp.

2. Phải thực hiện nhiệm vụ với tinh thần nghiêm túc đảm bảo quy định và hướng dẫn của đơn vị tổ chức

Điều 53. Hoạt động của các phóng viên tại sân thi đấu

1. Chỉ các phóng viên báo chí, truyền hình có thể do Đơn vị tổ chức giải cấp mới được vào sân thi đấu và tác nghiệp tại các khu vực được quy định.

2. Chỉ các phóng viên ảnh, truyền hình có thẻ và áo bib do Đơn vị tổ chức giải cấp mới được xuống sân và tác nghiệp tại các khu vực được quy định.

3. Trước và trong thời gian diễn ra trận đấu, phóng viên ảnh chỉ được hoạt động tại khu vực phía sau các bảng quảng cáo ở đường biên ngang, không được sử dụng máy chụp ảnh có đèn, không được di chuyển sang phía cầu môn đối diện theo dọc khán đài A.

Việc di chuyển chỉ tiến hành trong giờ nghỉ giữa hai hiệp đấu và đi theo đường chạy dọc khán đài B. Đối với sân vận động bố trí phòng thay đồ tại khán đài B, cần thông báo với phóng viên việc di chuyển chỉ diễn ra từ phút thứ 05 (năm) đến phút thứ 10 (mười) của giờ nghỉ giải lao, để đảm bảo việc vào phòng thay đồ và ra sân của cầu thủ hai đội.

4. Ban Tổ chức trận đấu phải bố trí khu vực dành riêng trên khán đài cho các phóng viên viết và đảm bảo có vị trí quan sát phù hợp, có internet.

Bố trí khu vực phát thanh, truyền hình với phòng bình luận riêng.

5. Vị trí đặt các máy ghi hình không được làm cản trở các cán bộ, trọng tài, đội bóng làm nhiệm vụ tại trận đấu hoặc che khuất tầm nhìn của khán giả. Đài truyền hình có bản quyền được đặt máy ghi hình trên đường chạy, vị trí cao nhất ngang với bàn trọng tài thứ 4.

Trong trận đấu, giờ nghỉ giữa hai hiệp và sau khi kết thúc trận đấu, các phóng viên (ảnh, truyền hình, viết...) không được vào khu vực kỹ thuật của hai đội bóng và mặt sân thi đấu.

6. Đài truyền hình có bản quyền được tác nghiệp trong khu vực liền kề mặt sân thi đấu trong giờ nghỉ giữa hai hiệp và phỏng vấn nhanh không quá 03 (ba) phút, sau khi kết thúc trận đấu (nếu có).

7. Đài truyền hình có bản quyền được vào phòng thay đồ ghi hình và phải hoàn thành 02 (hai) tiếng trước giờ 02 (hai) đội có mặt tại sân vận động.

8. Hộp báo/Phỏng vấn:

a) Phỏng vấn nhanh trước trận đấu: Chỉ Đài truyền hình bản quyền được phỏng vấn nhanh huấn luyện viên trưởng 02 (hai) đội tại khu vực phỏng vấn nhanh, được bố trí trên đường di chuyển từ xe ô tô vào phòng thay đồ và không quá 03 (ba) phút.

b) Phỏng vấn nhanh sau trận đấu: Chỉ Đài truyền hình bản quyền được phỏng vấn nhanh trong khu vực liền kề mặt sân thi đấu và không quá 03 (ba) phút.

c) Hốp báo sau trận đấu: Được tiến hành trong phòng hốp báo của sân vận động.

d) Phòng vãn nhanh, trên đường các thành viên câu lạc bộ di chuyển từ phòng thay đồ ra xe ô tô: Khu vực này hoạt động 15 (mười lăm) phút sau khi kết thúc trận đấu, không bắt buộc huấn luyện viên, cầu thủ dừng lại trả lời, nhưng bắt buộc phải đi qua.

Điều 54. Khu vực kỹ thuật

1. Khu vực kỹ thuật phải đảm bảo kích thước theo quy định của Luật thi đấu Bóng đá.

2. Khu vực kỹ thuật của đội chủ nhà (đội đứng tên trước trong lịch thi đấu) ở phía sân bên trái khán đài A.

3. Số lượng và thành phần của mỗi đội bóng trong khu vực kỹ thuật theo quy định của Điều lệ giải.

4. Trước trận đấu, đội bóng phải đăng ký danh sách những người ngồi trong khu vực kỹ thuật với trọng tài thứ 4 và phải tuân thủ các quy định sau:

a) Chỉ những người có tên trong danh sách đăng ký tham dự giải mới được đăng ký hoạt động trong khu vực kỹ thuật; trường hợp có thay đổi đăng ký phải thông báo cho Ban Tổ chức giải và giám sát trận đấu biết trong cuộc họp kỹ thuật. Tất cả những người ở trong khu vực kỹ thuật phải đeo thẻ do Ban Tổ chức giải cấp và phải mặc khác màu với trang phục của cầu thủ 02 (hai) đội và các thành viên làm nhiệm vụ trên sân trong suốt quá trình diễn ra trận đấu;

b) Tất cả những người trong khu vực kỹ thuật phải ngồi. Chỉ 01 (một) người được chỉ đạo chuyên môn trong khu vực kỹ thuật tại một thời điểm cụ thể.

c) Tất cả các cán bộ của đội bóng phải ở trong ranh giới khu vực kỹ thuật, không được tự ý vào sân thi đấu, ngoại trừ bác sỹ hoặc người săn sóc vào sân để đánh giá mức độ chấn thương của cầu thủ khi được trọng tài cho phép;

d) Tất cả những người trong khu vực kỹ thuật phải có thái độ đứng đắn tôn trọng các quyết định của trọng tài, không được gây ảnh hưởng hoặc cản trở hoạt động trợ lý trọng tài.

5. Cán bộ hoặc cầu thủ vi phạm các quy định tại khoản 4 Điều này sẽ bị trọng tài truất quyền và người đó phải rời khỏi khu vực kỹ thuật ngay lập tức, đồng thời trọng tài báo cáo về Ban Tổ chức giải. Huấn luyện viên và các thành viên khác của đội bóng không được phép đến bàn của Ban Tổ chức trận đấu và giám sát để khiếu nại trong khi trận đấu đang tiến hành.

6. Nhân viên Ban Tổ chức trận đấu có trách nhiệm đưa những người bị truất quyền hoạt động tại khu vực kỹ thuật hoặc cầu thủ bị thẻ đỏ vào khu vực quy định của Ban Tổ chức trận đấu.

7. Trong giờ nghỉ giữa hai hiệp đấu chính thức tất cả cầu thủ đang thi đấu của 02 (hai) đội phải vào phòng thay đồ.

Điều 55. Quảng cáo trong khu vực thi đấu

1. Đơn vị tổ chức giải quy định về số lượng, vị trí bảng quảng cáo trên sân.

a) Kích thước bảng quảng cáo trên sân thi đấu và các loại hình quảng cáo khác phải đảm bảo quy chuẩn 01m (cao) x 05m (dài).

Trường hợp câu lạc bộ có yêu cầu khác phải được sự chấp thuận bằng văn bản của Đơn vị tổ chức giải.

b) Trường hợp câu lạc bộ sử dụng hệ thống bảng điện tử thay thế cho bảng quảng cáo khung bạt trên sân thi đấu, Đơn vị tổ chức giải và câu lạc bộ thống nhất thời lượng xuất hiện tương đương với số lượng của các bảng quảng cáo khung bạt theo quy định tại Điều lệ giải.

c) Bảng quảng cáo khung bạt và/hoặc Bảng quảng cáo điện tử phải được lắp đặt đảm bảo an toàn, không đặt ở vị trí che khuất tầm nhìn của khán giả.

d) Đơn vị tổ chức giải phải đảm bảo biểu trưng của LĐBĐVN xuất hiện trên sân thi đấu.

e) Đối với các loại hình quảng cáo trang trí khác trong khuôn viên sân thi đấu: Việc lắp đặt các loại hình quảng cáo khác trong khuôn viên sân thi đấu phải đảm bảo an toàn, vị trí lắp đặt theo quy định của Đơn vị tổ chức giải và không ảnh hưởng tới công tác tổ chức trận đấu.

2. Câu lạc bộ chịu trách nhiệm xin giấy phép cho các loại hình quảng cáo và đóng lệ phí theo quy định. Đơn vị tổ chức giải có trách nhiệm cung cấp hồ sơ liên quan cho các câu lạc bộ khi được yêu cầu. Tất cả các loại hình quảng cáo xuất hiện trong khuôn viên sân thi đấu phải đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 56. Quy định về an ninh, an toàn đối với Ban Tổ chức trận đấu

1. Công tác chuẩn bị an ninh, an toàn trước trận đấu:

a) Thường xuyên kiểm tra và chuẩn bị tốt các trang thiết bị, cơ sở vật chất, sân bãi; bố trí lực lượng để đảm bảo an ninh, an toàn trong và xung quanh sân vận động;

b) Trang bị đầy đủ hệ thống phòng cháy chữa cháy, kiểm tra thường xuyên định kỳ và đảm bảo hoạt động hữu hiệu mỗi khi có sự cố xảy ra. Phải có tối thiểu 01 (một) xe cứu hỏa thường trực tại sân thi đấu;

c) Chuẩn bị lực lượng và phương tiện nhằm đối phó hữu hiệu với các sự cố do khán giả quá khích gây ra;

d) Những trận đấu sử dụng ánh sáng đèn, Ban Tổ chức sân phải đảm bảo dàn đèn có độ sáng đầy đủ, thường xuyên kiểm tra hệ thống điện, nguồn cung cấp điện và phải có nguồn điện dự phòng để đảm bảo tính ổn định, loại bỏ sự cố;

đ) Kiểm tra hệ thống phát thanh phải đảm bảo mọi vị trí trong sân đều nghe rõ và được bố trí gần nơi điều hành của Ban Tổ chức trận đấu;

e) Lực lượng cảnh sát, an ninh địa phương, cảnh sát giao thông phải được huy động với số lượng đầy đủ và có các phương tiện nghiệp vụ cần thiết. Phải có phòng riêng cho lực lượng cảnh sát;

g) Kiểm tra, rà soát các khu vực trong sân vận động; dò tìm, loại bỏ bất cứ vật nguy hiểm nào trên sân trước khi trận đấu bắt đầu. Công tác kiểm tra an ninh

an toàn trên sân phải được hoàn tất trước khi bắt đầu trận đấu ít nhất 02 (hai) tiếng.

2. Trong thời gian diễn ra trận đấu:

a) Lực lượng cảnh sát trật tự, cảnh sát cơ động kiểm soát khu vực bên ngoài hàng rào ngăn cách khán giả với đường chạy quay mặt lên khán đài làm nhiệm vụ, nhằm ngăn chặn khán giả ném đồ vật vào sân hoặc những người quá khích vượt hàng rào ngăn cách để vào sân thi đấu;

b) Cảnh sát đặc biệt mặc thường phục được bố trí ở các khu vực trên khán đài;

c) Có đủ lực lượng cảnh sát giữ trật tự và nhân viên kiểm soát một cách hữu hiệu tại các cổng ra vào sân. Kiểm soát chặt chẽ khán giả khi vào sân vận động, không cho mang bất cứ vật gì có thể sử dụng làm vũ khí (chai thủy tinh, chai nhựa, đồ uống có cồn, gạch đá, gậy, mũ bảo hiểm, pháo nổ, pháo sáng, ...);

d) Phải cách ly cổ động viên của đội khách ở khán đài riêng biệt với khán đài có cổ động viên đội chủ nhà và phải bố trí lực lượng công an bảo đảm an toàn cho cổ động viên của 02 (hai) đội;

đ) Có trách nhiệm đảm bảo trật tự và kiểm soát khán giả trước, trong và sau trận đấu. Ban Tổ chức trận đấu có quyền áp dụng các biện pháp cần thiết đối với những khán giả có hành vi cản trở việc tổ chức trận đấu, bao gồm việc buộc rời khỏi hoặc cấm vào sân vận động, khu vực quanh sân vận động.

3. Sau khi trận đấu kết thúc:

a) Phải có phương án bảo vệ cho các thành viên tham dự, kịp ngăn chặn các hành động quá khích giữa các nhóm cổ động viên hoặc cổ động viên với tổ trọng tài, cầu thủ hoặc hai đội bóng;

b) Trong bất kể tình huống nào cũng phải đảm bảo an toàn tuyệt đối cho tổ trọng tài và các nhóm cổ động viên khi ra về (qua địa giới của tỉnh, thành phố).

Điều 57. Vé xem trận đấu

1. Thời gian, địa điểm và phương thức bán vé phải được thông báo trước trên các phương tiện thông tin đại chúng.

2. Bảo đảm an toàn, trật tự trong công tác tổ chức bán vé.

3. Câu lạc bộ phải bán vé đúng giá in trên vé quy định cho mọi đối tượng, trong suốt mùa giải không được nâng giá vé.

4. Câu lạc bộ đội khách phải đăng ký số lượng vé của mình với Ban Tổ chức trận đấu chậm nhất 10 (mười) ngày trước khi diễn ra trận đấu. Ban Tổ chức trận đấu phải tiếp nhận và giải quyết với số lượng vé hợp lý và bán vé cho câu lạc bộ đội khách ở khu vực khán đài đã đăng ký với Ban Tổ chức giải.

5. Câu lạc bộ không được phép phát hành số lượng vé vượt sức chứa của sân.

6. Trong trường hợp không bán vé, câu lạc bộ vẫn phải phát hành vé mời. Ban Tổ chức trận đấu phải đảm bảo đủ lực lượng an ninh để kiểm soát số lượng khán giả vào sân theo các quy định tại Điều 56 Quy chế này, phải đảm bảo số lượng khán giả không được vượt quá sức chứa của sân.

7. Câu lạc bộ phải in vé mời, vé bán theo mẫu của Đơn vị tổ chức giải, hình ảnh trên vé không được có những quảng cáo cạnh tranh với các ngành hàng độc quyền của các nhà tài trợ giải.

8. Câu lạc bộ phải in một số vé mời cả giải theo số lượng và khu vực quy định tại Điều lệ giải để chuyển về cho Đơn vị tổ chức giải và các nhà tài trợ giải trước khi khai mạc giải 10 (mười) ngày.

Điều 58. Tiếp đón đội khách

1. Đội khách phải thông báo cho Ban Tổ chức trận đấu thời gian đến và rời khỏi địa phương, nơi ở, phương tiện di chuyển để Ban Tổ chức trận đấu bố trí lực lượng bảo vệ khi cần thiết.

2. Ban Tổ chức trận đấu chịu trách nhiệm bố trí sân tập luyện cho đội khách trong những ngày trước trận đấu:

a) Ban Tổ chức trận đấu chịu trách nhiệm bố trí 01 (một) buổi tập miễn phí trên sân thi đấu chính thức với thời gian ít nhất là 60 (sáu mươi) phút, trùng với thời gian thi đấu.

- Trường hợp sân thi đấu là sân cỏ nhân tạo, phải bố trí cho câu lạc bộ khách tập luyện miễn phí ít nhất 02 (hai) buổi tập trước trận đấu; mỗi buổi ít nhất 90 (chín mươi) phút.

- Đảm bảo các điều kiện cho các buổi tập luyện chính thức của câu lạc bộ khách theo tiêu chuẩn như ngày thi đấu: Bố trí lực lượng bảo vệ an ninh, phòng thay đồ, cột cờ góc, cắt cỏ, kẻ sân, căng lưới, bật đèn ...

- Nếu câu lạc bộ khách có nhu cầu tổ chức buổi tập chính thức theo hình thức tập kín hoặc thay đổi thời gian buổi tập khác với thời gian quy định, câu lạc bộ khách phải đăng ký với giám sát trận đấu, thông báo cụ thể với Ban Tổ chức trận đấu muộn nhất 01 (một) ngày trước ngày tập luyện và được sự thống nhất của Ban Tổ chức trận đấu.

- Câu lạc bộ chủ nhà tạo điều kiện, hỗ trợ câu lạc bộ khách được tập luyện 01 (một) buổi miễn phí tại sân phụ (nếu câu lạc bộ khách có nhu cầu), thời gian ít nhất là 60 (sáu mươi) phút.

- Giám sát trận đấu là người quyết định cuối cùng về các điều kiện và kế hoạch tổ chức buổi tập chính thức trên sân thi đấu của các đội bóng căn cứ vào tình hình thực tiễn và đăng ký của câu lạc bộ khách. Trong một số trường hợp, để đảm bảo điều kiện về chất lượng mặt sân cho ngày thi đấu, giám sát trận đấu có thể quyết định việc không tổ chức buổi tập trên sân chính, đề nghị câu lạc bộ chủ nhà và Ban Tổ chức trận đấu sắp xếp địa điểm tập luyện thay thế phù hợp.

b) Câu lạc bộ khách có nhu cầu tập luyện thêm ngoài các buổi tập đã quy định ở trên thì phải tự liên hệ và chịu mọi chi phí liên quan.

Điều 59. Nghi thức và thủ tục tiến hành trận đấu

1. Khi tổ trọng tài và 02 (hai) đội bóng ra sân, phải có tổ rước cờ đi trước.

2. Nghi thức tổ chức lễ khai mạc, tôn vinh, kỷ niệm, trao giải thực hiện theo quy định, hướng dẫn của Đơn vị tổ chức giải.

3. Thời gian tiến hành các thủ tục trước mỗi trận đấu (tính đến trước giờ thi đấu):

a) 180 phút: Hoàn tất kiểm tra an ninh, vệ sinh các khu vực khán đài, mở cửa sân;

b) 120 phút: Giám sát trận đấu đến sân;

c) 90 phút: Giám sát trọng tài, trọng tài, các đội bóng đến sân, kiểm tra sân lần cuối;

d) 75 phút: Đội bóng gửi danh sách đăng ký thi đấu và danh sách thành viên làm nhiệm vụ trong khu vực kỹ thuật cho giám sát trận đấu và trọng tài thứ 4;

đ) 60 phút: Hoàn tất việc đăng ký và kiểm tra cầu thủ, Ban Tổ chức trận đấu photocopy danh sách cầu thủ;

e) Từ 50 phút đến 20 phút: Hai đội bóng khởi động trên sân;

g) 07 phút: Trọng tài tập trung 02 (hai) đội bóng (cầu thủ đội bóng dặt theo các em nhỏ), kiểm tra lần cuối và ra sân (nếu có lễ khai mạc thì có thêm phần tuyên thệ của cầu thủ và trọng tài);

h) 02 phút: Làm thủ tục chọn sân; 02 (hai) đội bóng chụp ảnh, trao lưu niệm;

i) 0 phút: Giao bóng, bắt đầu trận đấu.

4. Trường hợp trận đấu có tính chất quan trọng, đặc biệt như: Khai mạc, bế mạc, kỷ niệm ... Đơn vị tổ chức giải có thể ban hành văn bản quy định cụ thể về thời gian tiến hành thủ tục trước trận đấu.

Điều 60. Tạm dừng, tạm hoãn trận đấu

1. Tạm dừng trận đấu:

Trọng tài có quyền quyết định tạm dừng trận đấu trong các trường hợp sau đây:

a) Nhiều khán giả vượt qua hàng rào ngăn cách tràn xuống đường chạy, xuống sân thi đấu trước hoặc trong khi trận đấu đang tiến hành, gây áp lực về tâm lý cho trọng tài và đội khách;

b) Nhiều khán giả gây mất an toàn, trật tự, làm ảnh hưởng đến trận đấu;

c) Điều kiện thời tiết, ánh sáng và các điều kiện khách quan khác làm cho trận đấu không thể tiến hành được.

2. Trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, trận đấu tạm dừng đến khi đủ điều kiện để tiến hành hoặc tiếp tục trận đấu nhưng thời gian tạm dừng tối đa không quá 30 (ba mươi) phút (nếu trận đấu chưa được tiến hành thì thời gian được tính từ giờ thi đấu theo lịch thi đấu của Ban Tổ chức giải; nếu trận đấu đã được tiến hành thì thời gian được tính từ thời điểm trọng tài tạm dừng trận đấu).

3. Trọng tài điều khiển trận đấu có quyền quyết định tạm dừng trận đấu lần 2 trong các trường hợp như quy định tại khoản 1 Điều này nếu đã tạm dừng 30 (ba mươi) phút mà vẫn không đủ điều kiện để tổ chức hoặc tổ chức tiếp trận đấu.

4. Tạm hoãn trận đấu:

Khi trận đấu chưa bắt đầu hoặc đã bắt đầu, trọng tài điều khiển trận đấu có quyền quyết định tạm hoãn trận đấu trong các trường hợp như quy định tại khoản 1 Điều này nếu đã tạm dừng 02 (hai) lần 30 (ba mươi) phút mà vẫn không đủ điều kiện để tổ chức hoặc tổ chức tiếp trận đấu.

5. Nếu trận đấu bị tạm hoãn, Ban Tổ chức trận đấu có trách nhiệm tổ chức cuộc họp do giám sát trận đấu chủ trì, với thành phần: Trưởng đoàn và huấn luyện viên trưởng của 02 (hai) đội, các giám sát, trọng tài, thành viên Ban Tổ chức trận đấu. Cuộc họp phải được lập biên bản ghi rõ chính kiến của từng thành

viên, nguyên nhân chính của việc dừng trận đấu, thời gian dừng trận đấu, tỷ số lúc trận đấu tạm dừng (nếu có) và gửi biên bản về Ban Tổ chức giải.

Điều 61. Tổ chức tiếp hoặc tổ chức lại trận đấu.

1. Nếu sau thời gian tạm dừng lần 1 không quá 30 (ba mươi) phút hoặc thêm lần 2 không quá 30 (ba mươi) phút, trận đấu được tiếp tục tiến hành đủ thời gian theo quy định thì kết quả trận đấu được công nhận.

2. Trường hợp trận đấu bị tạm hoãn, Ban Tổ chức giải sẽ căn cứ vào thực tế diễn biến, thời điểm và nguyên nhân tạm hoãn trận đấu để có thể quyết định xử lý cụ thể theo nguyên tắc “bên có lỗi không được hưởng lợi” cụ thể như sau:

a) Nếu nguyên nhân hoãn trận đấu do câu lạc bộ vi phạm nghiêm trọng Quy chế này, không đảm bảo an ninh, an toàn do cố động viên đội chủ nhà hoặc do cố động viên đội khách; lỗi thuộc về câu lạc bộ, đội bóng nào thì câu lạc bộ, đội bóng đó sẽ bị xử thua với tỷ số 0-3, nếu thua nhiều hơn thì giữ nguyên tỷ số;

b) Nếu nguyên nhân tạm hoãn trận đấu vì sự cố bất thường thì Ban Tổ chức trận đấu của câu lạc bộ chủ nhà vẫn có lỗi do không chuẩn bị tốt về công tác tổ chức trận đấu:

- Tỷ số đang có lợi cho đội bóng chủ nhà: Hủy bỏ trận đấu bị tạm hoãn và cho tổ chức lại từ đầu trận đấu (nếu đang thi đấu ở hiệp đấu phụ thì tổ chức lại từ đầu của hiệp đấu phụ);

- Tỷ số đang có lợi cho đội bóng khách: Tổ chức tiếp trận đấu từ thời điểm tạm dừng.

c) Nếu nguyên nhân tạm hoãn trận đấu vì lý do hoàn toàn khách quan (thời tiết, động đất làm ảnh hưởng đến công tác tổ chức trận đấu), Ban Tổ chức trận đấu của câu lạc bộ chủ nhà không có lỗi thì giữ nguyên tỷ số và tổ chức tiếp trận đấu từ thời điểm tạm dừng hoặc công nhận tỷ số và không tổ chức lại.

3. Quy định tổ chức tiếp trận đấu từ thời điểm tạm dừng:

a) Giữ nguyên tỷ số tại thời điểm tạm dừng trận đấu;

b) Giữ nguyên thành phần, số lượng cầu thủ đang thi đấu trên sân và quyền thay cầu thủ của mỗi đội tại thời điểm dừng trận đấu (trường hợp vì lý do khách quan và đội bóng đã hết quyền thay người thì chỉ cho phép tối đa một cầu thủ đã đăng ký dự bị được vào thay một cầu thủ đang thi đấu);

c) Giữ nguyên các thẻ vàng, thẻ đỏ (nếu có) tại thời điểm dừng trận đấu;

d) Trận đấu được bắt đầu lại từ tình huống trọng tài tạm dừng;

đ) Kinh phí tổ chức trận đấu theo quyết định của Ban Tổ chức giải hoặc Ban Kỷ luật.

4. Nếu trận đấu bị hủy bỏ thì các thẻ vàng cũng được hủy bỏ, nhưng các thẻ đỏ vẫn được giữ nguyên.

5. Nếu trận đấu bị tạm hoãn ở thời điểm trước hoặc trong khi đá luân lưu 11m mà lý do hoãn trận đấu là do khách quan thì trọng tài tổ chức bốc thăm ngay sau đó để xác định đội thắng.

6. Nếu trận đấu bị tạm hoãn mà kết quả trận đấu này hoàn toàn không ảnh hưởng đến kết quả chuyên môn của chính 02 (hai) đội bóng đó và của các đội bóng khác trong toàn giải thì Ban Tổ chức giải có thể quyết định không tổ chức lại trận đấu nữa. Trận đấu có thể bị xử lý theo một trong hai phương án sau:

a) Công nhận tỷ số ở thời điểm trận đấu tạm dừng;

b) Trận đấu bị hủy bỏ, hai đội không nhận điểm và tỷ số.

7. Nếu trận đấu bị hoãn, mức thù lao do Ban Tổ chức giải phải chi cho các đối tượng được quy định như sau:

a) Trận đấu bị dừng trước khi bắt đầu trận đấu: Các thành viên chỉ được hưởng tiền ăn, ở, không được hưởng tiền làm nhiệm vụ;

b) Trận đấu bị dừng sau khi bắt đầu trận đấu: Các thành viên được hưởng toàn bộ chế độ theo quy định về tài chính của giải.

Điều 62. Câu lạc bộ không đăng ký đội bóng, bỏ không tham dự giải

1. Câu lạc bộ có đội bóng thuộc thành phần tham gia giải không đăng ký đội bóng tham gia giải hoặc đã đăng ký nhưng bỏ không tham gia giải, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 7 Quy chế này hoặc được LDBĐVN chấp thuận, sẽ bị chuyển xuống thi đấu tại giải hạng Ba quốc gia từ mùa giải sau và chịu hình thức kỷ luật theo Quy định về kỷ luật của LDBĐVN.

2. Nếu câu lạc bộ (đội bóng) không tiếp tục tham dự giải trong khi giải đấu đang diễn ra (trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 12 Quy chế này) sẽ bị chuyển xuống thi đấu ở giải hạng Ba quốc gia từ mùa giải sau và phải chịu hình thức kỷ luật theo Quy định về kỷ luật của LDBĐVN. Toàn bộ kết quả thi đấu (nếu có) giữa câu lạc bộ (đội bóng) này với câu lạc bộ (đội bóng) khác đều bị hủy bỏ.

Điều 63. Cổ động viên

1. Tất cả những người ủng hộ đội bóng và cổ động viên ngồi trong khu vực dành riêng cho cổ động viên câu lạc bộ (đội bóng) đó trên khán đài sân vận động được coi là cổ động viên của câu lạc bộ (đội bóng) đó, trừ trường hợp chứng minh ngược lại.

2. Câu lạc bộ (đội bóng) tham dự trận đấu phải chịu trách nhiệm về hành vi ứng xử không đúng do cổ động viên của mình gây ra, dù đó là lỗi cố ý hay vô ý sẽ bị xử lý kỷ luật theo Quy định về kỷ luật của LDBĐVN.

3. Đội khách phải cử người phụ trách cổ động viên phối hợp với Ban Tổ chức trận đấu để kiểm soát cổ động viên khi đi thi đấu trên sân khách.

Chương VI

QUYỀN SỞ HỮU GIẢI THỂ THAO CHUYÊN NGHIỆP

Điều 64. Quyền sở hữu và giao quyền sở hữu các giải bóng đá chuyên nghiệp

1. LDBĐVN, các câu lạc bộ là chủ sở hữu các giải bóng đá chuyên nghiệp do mình tổ chức.

2. Trường hợp LDBĐVN giao quyền tổ chức các giải bóng đá chuyên nghiệp cho một thành viên của LDBĐVN hoặc đơn vị, tổ chức khác thì sẽ chuyển giao quyền sở hữu theo hợp đồng được ký kết giữa các bên.

Điều 65. Quyền khai thác tài trợ, quảng cáo, bản quyền truyền hình

1. Trên cơ sở hợp đồng giao quyền tổ chức, điều hành các giải bóng đá chuyên nghiệp được ký kết với LDBĐVN, Đơn vị tổ chức giải được quyền khai thác tài trợ, gắn tên nhà tài trợ với giải bóng đá chuyên nghiệp và đồng tài trợ cho giải bóng đá và sự kiện thuộc các giải bóng đá chuyên nghiệp do Đơn vị tổ

chức giải quản lý, tổ chức. Đơn vị tổ chức giải có trách nhiệm tiếp nhận và tiếp tục thực hiện các hợp đồng mà LDBĐVN đã ký kết với các đối tác có liên quan đến các giải bóng đá chuyên nghiệp trước khi được LDBĐVN trao quyền tổ chức các giải bóng đá chuyên nghiệp.

2. Đơn vị tổ chức giải phải quy định cụ thể bằng văn bản về vấn đề khai thác thương quyền, tài trợ, quảng cáo, bản quyền truyền hình của Đơn vị tổ chức giải và các câu lạc bộ tham gia các giải bóng đá chuyên nghiệp nhằm đảm bảo quyền lợi của các nhà tài trợ, quyền lợi của Đơn vị tổ chức giải và của các câu lạc bộ.

Điều 66. Tài trợ

1. Các nhà tài trợ, cơ quan truyền thông là đối tác của Đơn vị tổ chức giải và các câu lạc bộ, được hợp tác khai thác các quyền thuộc sở hữu của Đơn vị tổ chức giải và của các câu lạc bộ thông qua ký kết hợp đồng theo quy định của pháp luật.

2. Các nhà tài trợ không được dùng ảnh hưởng của mình can thiệp vào các hoạt động chuyên môn hoặc làm thay đổi, sai lệch kết quả trận đấu. Nếu bị phát hiện, các nhà tài trợ sẽ bị xử lý theo các quy định có liên quan.

3. Tổ chức, cá nhân sở hữu, quản lý câu lạc bộ, đội bóng hoặc có quan hệ trực tiếp, gián tiếp với câu lạc bộ, đội bóng theo quy định tại Điều 14 Quy chế này không được tài trợ, bảo trợ cho câu lạc bộ, đội bóng khác trong cùng một giải đấu.

Chương VII KHEN THƯỞNG, XỬ LÝ VI PHẠM, GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP, KHIẾU NẠI

Điều 67. Khen thưởng

1. Câu lạc bộ, đội bóng, hội/câu lạc bộ cổ động viên, huấn luyện viên, cầu thủ, cán bộ chuyên môn, giám sát, trọng tài, tập thể hoặc cá nhân khác có thành tích tốt trong hoạt động bóng đá chuyên nghiệp do Đơn vị tổ chức giải tổ chức sẽ được Đơn vị tổ chức giải khen thưởng hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Hàng năm, câu lạc bộ có thành tích đóng góp từ 05 (năm) cầu thủ trở lên/đợt triệu tập được đăng ký trong danh sách chính thức của Đội tuyển quốc gia hoặc Đội tuyển U23 quốc gia, Olympic tham dự các giải thi đấu quốc tế chính thức (FIFA, AFC, AFF) sẽ được LDBĐVN xem xét hỗ trợ kinh phí từ 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) đến 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) cho công tác đào tạo cầu thủ trẻ.

Điều 68. Xử lý vi phạm

Việc xử lý vi phạm trong bóng đá chuyên nghiệp được thực hiện theo Quy định về kỷ luật của LDBĐVN, Quy định kỷ luật của FIFA.

Điều 69. Thẩm quyền xử lý kỷ luật

Ban Kỷ luật LDBĐVN xử lý mọi vi phạm của mọi thành viên tham dự giải theo Quy định về kỷ luật của LDBĐVN.

Điều 70. Giải quyết tranh chấp

LĐBĐVN tiếp nhận và chuyển bộ phận có chức năng giải quyết tranh chấp về chuyển nhượng; tư cách cầu thủ; tranh chấp hợp đồng lao động giữa cầu thủ, huấn luyện viên và câu lạc bộ thành viên của LĐBĐVN; tranh chấp giữa cầu thủ, câu lạc bộ thành viên và Đại diện cầu thủ.

Điều 71. Khiếu nại

1. Thủ tục khiếu nại đối với quyết định kỷ luật, quyết định giải quyết tranh chấp được thực hiện theo Quy định về kỷ luật của LĐBĐVN, Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Giải quyết khiếu nại LĐBĐVN.

2. Đối với các khiếu nại về trận đấu:

a) Không được khiếu nại đối với các quyết định của trọng tài trong trận đấu về: Bàn thắng hay không bàn thắng, việt vị hay không việt vị, phạt đền hay không phạt đền;

b) Mọi khiếu nại về các vấn đề khác (ngoài điểm a khoản 2 Điều này) đều phải lập thành văn bản và gửi tới Ban Tổ chức giải thông qua giám sát trận đấu chậm nhất 02 (hai) tiếng sau khi trận đấu kết thúc; giám sát trận đấu phải báo cáo cho Ban Tổ chức giải ngay sau khi nhận được khiếu nại;

c) Nếu khiếu nại không có căn cứ hoặc không đúng quy định, câu lạc bộ khiếu nại có thể bị xử lý kỷ luật.

Điều 72. Giải quyết khiếu nại

Việc giải quyết khiếu nại trong bóng đá chuyên nghiệp được thực hiện theo Quy định về kỷ luật của LĐBĐVN, Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Giải quyết khiếu nại LĐBĐVN.

Chương VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 73. Hiệu lực thi hành

Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ban hành, sau khi được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt. Những quy định trước đây trái với Quy chế này đều bãi bỏ.

Điều 74. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các nội dung thuộc phạm vi điều chỉnh theo Điều 1 Quy chế này được xác lập trước ngày Quy chế này có hiệu lực thì áp dụng Quy chế Bóng đá chuyên nghiệp có hiệu lực tại thời điểm thực hiện để giải quyết.

2. Không áp dụng Quy chế này để giải quyết khiếu nại đối với vụ việc đã giải quyết theo quy định của Quy chế bóng đá chuyên nghiệp trước ngày Quy chế này có hiệu lực.

Điều 75. Tổ chức thực hiện

LĐBĐVN kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy chế này. Những phát sinh trong thực tiễn được LĐBĐVN nghiên cứu, dự kiến sửa đổi, bổ sung trình Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt./.

